

Phụ lục VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 92.2/CV-ACBS.25

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: 006C
- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên hệ: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751
- E-mail: cbtt@acbs.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố Bản cáo bạch chào bán chứng quyền có bảo đảm và Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của 13 chứng quyền sau:
 1. Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/68 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 124/GCN-UBCK ngày 16/5/2025);
 2. Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/69 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 125/GCN-UBCK ngày 16/5/2025);
 3. Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/70 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 126/GCN-UBCK ngày 16/5/2025);
 4. Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/71 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 127/GCN-UBCK ngày 16/5/2025);
 5. Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/72 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 128/GCN-UBCK ngày 16/5/2025);
 6. Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/73 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 129/GCN-UBCK ngày 16/5/2025);
 7. Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/74 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 130/GCN-UBCK ngày 16/5/2025);
 8. Chứng quyền TPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/75 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 131/GCN-UBCK ngày 16/5/2025);

9. Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/76 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 132/GCN-UBCK ngày 16/5/2025);
10. Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/77 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 133/GCN-UBCK ngày 16/5/2025);
11. Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/78 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 134/GCN-UBCK ngày 16/5/2025);
12. Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/79 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 135/GCN-UBCK ngày 16/5/2025);
13. Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/80 (theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm số 136/GCN-UBCK ngày 16/5/2025).

Chi tiết theo file đính kèm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/5/2025 tại đường dẫn <http://acbs.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố.



Đại diện tổ chức
Người UO CBTT

Nguyễn Thị Nguyệt

THÔNG BÁO PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 134/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2025)

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty TNHH Chứng khoán ACB
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Leman, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Số điện thoại: (028) 7300 7000
4. Số Fax: 028 7300 3751
5. Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành: Không có
6. Thông tin về chứng quyền phát hành:
 - Tên chứng quyền: Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/78
 - Mã chứng khoán cơ sở: VNM
 - Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần sữa Việt Nam
 - Loại chứng quyền: Mua
 - Kiểu thực hiện: Châu Âu
 - Phương thức thực hiện chứng quyền: Thanh toán tiền (VND)
 - Thời hạn: 12 tháng
 - Ngày đáo hạn: 20/05/2026
 - Tỷ lệ chuyển đổi: 6:1
 - Hệ số nhân (đối với chứng quyền dựa trên chỉ số): Không có
 - Giá thực hiện (chỉ số thực hiện): 55.000 đồng
 - Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: 15.620.000.000 (mười lăm tỷ sáu trăm hai mươi triệu) đồng
7. Số lượng đăng ký phát hành: 14.200.000 chứng quyền
8. Giá phát hành: 2.200 đồng/chứng quyền
9. Số lượng chứng quyền đã phát hành *(trường hợp thông báo phát hành bổ sung)*: Không có
10. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: 1.000 chứng quyền
11. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ 13h:00 ngày 20/05/2025 đến 14h:00 ngày 20/05/2025

12. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu và công bố Bản cáo bạch:

- Nhà đầu tư thực hiện đăng ký mua thông qua kênh online:

- Tại web SMART.acbs.com.vn
- Qua ứng dụng đầu tư ACBS SMART

- Bản cáo bạch đã được UBCKNN chấp thuận, nhà đầu tư tham khảo tại website của ACBS theo đường dẫn www.acbs.com.vn

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền:

- Chủ tài khoản: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

- Số tài khoản: 8690025919 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

14. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư

Công ty cam kết thực hiện tất cả các nghĩa vụ liên quan của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền như đã công bố theo bản cáo bạch và quy định của pháp luật liên quan.

TPHCM, ngày 19 tháng 05 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàn

NGUYỄN ĐỨC HOÀN

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro từ trang 04 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

(Giấy phép hoạt động số: 06/GPMDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 06 năm 2000

Giấy phép điều chỉnh số: 03/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 01 năm 2025)

ACBS

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 134/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/5/2025)

VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/78

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày thông báo phát hành tại:

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP. HCM

Điện thoại: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

Website: www.acbs.com.vn

Email: acbs@acbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà: Nguyễn Thị Nguyệt

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn pháp chế

Điện thoại: (028) 7300 7000

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 05 năm 2025

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

(Giấy phép hoạt động số: 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 06 năm 2000)

(Giấy phép điều chỉnh số: 03/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 01 năm 2025)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

STT	Khoản mục	Nội dung
1.	Tên chứng quyền	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/78
2.	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	VNM
3.	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Công ty Cổ phần sữa Việt Nam
4.	Loại chứng quyền/Kiểu chứng quyền	Chứng quyền Mua/Châu Âu
5.	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	Thanh toán tiền (VND)
6.	Thời hạn	12 tháng
7.	Ngày phát hành (dự kiến)	Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán
8.	Ngày giao dịch cuối cùng (dự kiến)	Trước ngày đáo hạn 2 ngày làm việc
9.	Ngày đáo hạn	Ngày tròn 12 tháng kể từ ngày phát hành
10.	Tỷ lệ chuyển đổi	6:1 (sáu chứng quyền quy đổi một cổ phiếu)
11.	Giá thực hiện dự kiến	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện sẽ được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành.
12.	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán
13.	Giá chào bán (dự kiến)	1.000 (một nghìn) đồng đến 3.000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền. Giá chào bán sẽ được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành.
14.	Tổng số lượng chào bán	14.200.000 (mười bốn triệu hai trăm nghìn) chứng quyền
15.	Tổng giá trị chào bán (dự kiến)	14.200.000.000 (mười bốn tỷ hai trăm triệu) đồng đến 42.600.000.000 (bốn mươi hai tỷ sáu trăm triệu) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

- Địa chỉ: Số 115, Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 3821 9266
- Website: <https://home.kpmg/vn/vi>.

NGÂN HÀNG LƯU KÝ

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM.
- Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714
- Website: www.bidv.com.vn



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền	4
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền	5
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở	6
4. Các rủi ro khác	6
4.1. Rủi ro về kinh tế	6
4.2. Rủi ro về luật pháp	6
4.3. Rủi ro chính trị	7
4.4. Rủi ro về thuế khi thực hiện quyền	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..	8
1. Tổ chức phát hành	8
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn:	8
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	8
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	11
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam.....	11
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư	12
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền.....	12
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	13
1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	13
1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
1.2. Cơ cấu tổ chức Công ty	16
1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	17
1.4. Danh sách thành viên góp vốn (tên, địa chỉ, tỷ lệ nắm giữ) nắm giữ từ 5% trở lên vốn góp của công ty và những người có liên quan; Danh sách thành viên sáng lập và tỷ lệ vốn góp nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực).....	22
1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành;	22
1.6. Thông tin về ban điều hành tổ chức phát hành	23
1.7. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực.....	26
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành	26



2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của tổ chức phát hành.....	26
2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm 2023 – 2024 và lũy kế đến Quý gần nhất.....	29
2.3. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành:.....	29
3. Tình hình tài chính	34
3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:	35
3.2. Các khoản phải nộp theo luật định:	35
3.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	35
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	36
1. Thông tin chung về chứng quyền	36
1.1. Thông tin về chứng quyền phát hành.....	36
1.2. Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó:.....	38
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.....	38
2.1. Thông tin về chứng khoán cơ sở.....	38
2.2. Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	39
3. Thời gian phân phối chứng quyền.....	40
4. Đăng ký mua chứng quyền.....	41
5. Thực hiện chứng quyền	42
5.1. Chứng quyền khi đến ngày đáo hạn, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau (với giả định ngày T là ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời là ngày đáo hạn và T được tính theo ngày làm việc):.....	42
5.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán:	44
6. Quyền của người sở hữu chứng quyền.....	44
7. Điều chỉnh chứng quyền.....	44
8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền.....	45
9. Hoạt động tạo lập thị trường.....	47
VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	48
1. Quy trình quản trị rủi ro	48
1.1. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro, bao gồm vai trò của các Phòng ban liên quan	48
1.2. Quy trình quản trị rủi ro.....	49
2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến.....	53
2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro	53
2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro.....	53
2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát	54
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền:.....	57



VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	64
1. Tổ chức kiểm toán	64
2. Ngân hàng lưu ký	64
3. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành, tổ chức tư vấn	64
IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	64
X. CAM KẾT	65
XI. GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN	65
XII. PHỤ LỤC	66

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.
- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.
- Rủi ro chứng quyền bị hủy niêm yết: Trong trường hợp tổ chức phát hành bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, chứng quyền sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước ngày đáo hạn.
- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các



bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.

- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

- Rủi ro đầu tư chung: Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.
- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền: Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.
- Rủi ro về giá: Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.
- Rủi ro từ tính đòn bẩy: Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều



hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của tổ chức phát hành. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.
- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở, bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Các rủi ro khác

4.1. Rủi ro về kinh tế

Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung luôn gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Sự tăng trưởng của nền kinh tế sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế toàn cầu, các doanh nghiệp sẽ gặp không ít thách thức do phải đối mặt với áp lực cạnh tranh, thâm nhập và mở rộng thị trường mới. Triển vọng phát triển kinh tế luôn chịu tác động của nhiều yếu tố biến động khó dự báo mà khi xảy ra sẽ nhanh chóng tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này sẽ ảnh hưởng gián tiếp đến sự phát triển của thị trường chứng khoán nói chung và sự phát triển của các sản phẩm chứng quyền nói riêng.

4.2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam đã và đang hoàn thiện, luôn được thay đổi để phù hợp với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, xã hội. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển



không ngừng của nền kinh tế thế giới. Để hạn chế những tác động của rủi ro liên quan đến luật pháp, các doanh nghiệp cũng như ACBS sẽ luôn chủ động, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật để có những điều chỉnh phù hợp trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Hoạt động theo hình thức Công ty TNHH, ACBS chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Các văn bản pháp luật này nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

4.3. Rủi ro chính trị

Những sự kiện chính trị, những thay đổi trong việc điều hành chính sách của Nhà nước, Chính phủ sẽ luôn ảnh hưởng đến nền kinh tế và từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

4.4. Rủi ro về thuế khi thực hiện quyền

Theo quy định của pháp luật về thuế khi thực hiện quyền đối với chứng quyền đáo hạn trong trạng thái có lãi, nhà đầu tư có thể gặp phải rủi ro khi tiền thuế mà nhà đầu tư phải nộp có thể nhiều hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được. Do đó, nhà đầu tư cần cân nhắc những vấn đề này trong quá trình đầu tư của mình.

Hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành cũng như sự kỳ vọng của những nhà đầu tư có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng khác như: rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hay sự ảnh hưởng bởi những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, v.v ... Điều này, không những ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành, mà còn ảnh hưởng đến tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp làm ảnh hưởng đến giá của các sản phẩm chứng quyền.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS).

Ông: Đỗ Minh Toàn Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Ông: Nguyễn Đức Hoàn Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ông: Lê Hoàng Tân Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

Ông: Võ Văn Vân Chức vụ: Kế toán trưởng.

Ông: Huỳnh Hiếu Nghĩa Chức vụ: Kiểm soát viên.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn:

Không có.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- ACBS; Tổ chức phát hành: Công ty TNHH Chứng Khoán ACB.
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán.
- HOSE: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- HNX: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- VSDC: Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn.
- MTV: Một thành viên.
- CTCP: Công ty Cổ phần.
- VND: Việt Nam đồng.
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên.
- Chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền): là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua



(chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

- **Chứng khoán cơ sở (CKCS):** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền** (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành, hoặc TCPH): là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký:** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền:** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Chứng quyền kiểu châu Âu:** là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- **Giá thực hiện:** là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi:** cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.
- **Ngày đáo hạn:** là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.
- **Chứng quyền đang lưu hành:** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành:** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư.
- **Vị thế mở chứng quyền của tổ chức phát hành:** bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết:** là vị thế được tính toán căn cứ trên phương án phòng ngừa rủi ro đã được tổ chức phát hành nêu trong Bản cáo bạch.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế:** là vị thế được tính toán căn cứ trên vị thế thực tế có



trong tài khoản phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.

- **Chứng quyền có lãi (ITM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền lỗ (OTM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở
- **Delta; Hệ số phòng ngừa rủi ro Delta:** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức Black Scholes.

Công thức tính Delta:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

- **Công thức Black Scholes:** là một công thức toán học ứng dụng để định giá các công cụ tài chính mà tiêu biểu là quyền chọn kiểu châu Âu, với giả định giá của các công cụ này sẽ tuân theo phân phối chuẩn.
- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền:** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch gần nhất trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Tình hình kinh tế Việt Nam trong Q1/2025 có nhiều điểm nổi bật:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) Q1/2025 tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng của Q1/2023 và Q1/2024. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%; công nghiệp và xây dựng tăng 7,42%; dịch vụ tăng 7,70%.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 7,8% (Q1/2024 tăng 5,9%). Ngành chế biến, chế tạo tăng 9,5%; sản xuất và phân phối điện tăng 4,6%; khai khoáng giảm 4,7%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 11,6%.
- Cả nước có 36,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới (giảm 4%) với tổng vốn đăng ký 356,8 nghìn tỷ đồng (tăng 1,3%), vốn bình quân đạt 9,8 tỷ đồng/doanh nghiệp (tăng 5,5%). Có 36,5 nghìn doanh nghiệp quay lại hoạt động (tăng 54,8%), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay lại lên 72,9 nghìn, bình quân 24,3 nghìn doanh nghiệp mỗi tháng.
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 202,52 tỷ USD (tăng 13,7%); xuất khẩu đạt 102,84 tỷ USD (tăng 10,6%), nhập khẩu 99,68 tỷ USD (tăng 17,0%), xuất siêu 3,16 tỷ USD. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực gồm điện tử, máy tính và linh kiện, điện thoại, máy móc thiết bị; nhập khẩu chủ yếu là điện tử, máy móc thiết bị.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1.708,3 nghìn tỷ đồng (tăng 9,9%), loại trừ yếu tố giá tăng 7,5%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa chiếm 76,8%, dịch vụ lưu trú ăn uống 11,7%, du lịch lữ hành 1,3% và dịch vụ khác 10,2%.
- Vốn đầu tư toàn xã hội đạt 756,1 nghìn tỷ đồng (tăng 5,2%), trong đó vốn từ ngân sách Nhà nước đạt 109,6 nghìn tỷ đồng (tăng 7,4%), bằng 14,5% kế hoạch năm.
- FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 10,98 tỷ USD (tăng 34,7%), trong đó vốn đăng ký mới đạt 4,33 tỷ USD với 850 dự án, chủ yếu vào công nghiệp chế biến và bất động sản. Vốn điều chỉnh tăng mạnh lên 5,16 tỷ USD; góp vốn, mua cổ phần đạt 1,49 tỷ USD (tăng 83,7%). Vốn FDI thực hiện đạt 4,96 tỷ USD (tăng 7,2%), mức cao nhất cùng kỳ 5 năm.
- Tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 721,3 nghìn tỷ đồng (tăng 29,3%), bằng 36,7% dự toán năm; tổng chi đạt 428,2 nghìn tỷ đồng (tăng 11,6%).
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,77%, lạm phát cơ bản tăng 2,81%, cho thấy áp lực giá chủ yếu đến từ chi phí đầu vào và điều chỉnh giá do Nhà nước quản lý.

Nhìn chung, với sản xuất công nghiệp tăng trưởng ổn định, hoạt động tiêu dùng nội địa phục hồi và doanh thu du lịch tăng trưởng mạnh mẽ, công thêm đầu tư công được đẩy mạnh, triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2025 tiếp tục có hy vọng. Tuy nhiên, mặc dù GDP Q1/2025 đạt 6,93%, cao

nhất cùng kỳ 6 năm nhưng mức tăng này vẫn thấp hơn mức tăng phải đạt được nếu Việt Nam muốn đạt mục tiêu 8% cho cả năm. Nếu xu hướng này duy trì, GDP cả năm có thể đạt khoảng 7,0% - 7,5%, đó chưa tính đến tác động của các rào cản thuế mới. Trong kịch bản có ảnh hưởng tiêu cực từ thuế, tăng trưởng có thể giảm xuống quanh mức 6,0%. Dù vậy, nội lực từ đầu tư công và tiêu dùng – đặc biệt là nhờ sự bứt phá của ngành du lịch – được chúng tôi kỳ vọng sẽ tiếp tục là động lực giúp Việt Nam giữ vững đà phục hồi và tăng trưởng trong năm nay.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Thị trường chứng khoán Việt Nam, đại diện bởi chỉ số VNIndex đã đạt đỉnh tại giữa tháng 4/2022, từ vùng đỉnh 1530 điểm. Trên đường đi lên trở lại, VNIndex đã xác nhận 1 đáy đầu tiên là 875 điểm, đáy thứ 2 là 1025, đáy thứ 3 tại 1200. Trước biến cố thuế quan, thị trường đang kiểm nghiệm vùng giá quanh 1300 thành điểm hỗ trợ mới sau gần 2 năm giao dịch trong vùng giá 1025-1300 (2023-2024). Sau sự kiện thuế quan, VNIndex đang giao dịch quanh vùng điểm 1200. Vùng giá giao dịch cho chu kỳ mới 2025-2027 đang được thị trường kiểm định, khả năng cao kết quả sẽ có sau khi chính sách thuế quan tại Mỹ trở nên rõ ràng hơn sau tháng 7/2025.

Về mặt định giá, P/E của VNIndex ở mức ~11,x và VN30 ~10,x. Mức định giá thấp trong bối cảnh tăng trưởng GDP của Việt Nam, tạo ra sức hấp dẫn đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong tầm nhìn 6-12 tháng tiếp theo về mặt tương quan tăng trưởng và định giá.

Xét về yếu tố thanh khoản, giá trị giao dịch tiếp tục hướng đến cột mốc tối thiểu quanh mốc 15.000 tỷ đồng/phiên, cao hơn 50% so với vùng thanh khoản của VNIndex khi thiết lập mốc 1000-1200 trong giai đoạn 2021 và cao gấp 2-3 lần so với vùng 1000-1200 giai đoạn 2018.

Hình. VNIndex đang chờ xác nhận biên giao dịch mới sau thông tin thuế quan.

CHỈ SỐ VNINDEX (Điểm) - 10000 15000 20000 25000 30000 35000 40000 45000 50000 55000 60000 65000 70000 75000 80000 85000 90000 95000 100000 105000 110000 115000 120000 125000 130000 135000 140000 145000 150000 155000 160000 165000 170000 175000 180000 185000 190000 195000 200000 205000 210000 215000 220000 225000 230000 235000 240000 245000 250000 255000 260000 265000 270000 275000 280000 285000 290000 295000 300000 305000 310000 315000 320000 325000 330000 335000 340000 345000 350000 355000 360000 365000 370000 375000 380000 385000 390000 395000 400000 405000 410000 415000 420000 425000 430000 435000 440000 445000 450000 455000 460000 465000 470000 475000 480000 485000 490000 495000 500000 505000 510000 515000 520000 525000 530000 535000 540000 545000 550000 555000 560000 565000 570000 575000 580000 585000 590000 595000 600000 605000 610000 615000 620000 625000 630000 635000 640000 645000 650000 655000 660000 665000 670000 675000 680000 685000 690000 695000 700000 705000 710000 715000 720000 725000 730000 735000 740000 745000 750000 755000 760000 765000 770000 775000 780000 785000 790000 795000 800000 805000 810000 815000 820000 825000 830000 835000 840000 845000 850000 855000 860000 865000 870000 875000 880000 885000 890000 895000 900000 905000 910000 915000 920000 925000 930000 935000 940000 945000 950000 955000 960000 965000 970000 975000 980000 985000 990000 995000 1000000 1005000 1010000 1015000 1020000 1025000 1030000 1035000 1040000 1045000 1050000 1055000 1060000 1065000 1070000 1075000 1080000 1085000 1090000 1095000 1100000 1105000 1110000 1115000 1120000 1125000 1130000 1135000 1140000 1145000 1150000 1155000 1160000 1165000 1170000 1175000 1180000 1185000 1190000 1195000 1200000 1205000 1210000 1215000 1220000 1225000 1230000 1235000 1240000 1245000 1250000 1255000 1260000 1265000 1270000 1275000 1280000 1285000 1290000 1295000 1300000 1305000 1310000 1315000 1320000 1325000 1330000 1335000 1340000 1345000 1350000 1355000 1360000 1365000 1370000 1375000 1380000 1385000 1390000 1395000 1400000 1405000 1410000 1415000 1420000 1425000 1430000 1435000 1440000 1445000 1450000 1455000 1460000 1465000 1470000 1475000 1480000 1485000 1490000 1495000 1500000 1505000 1510000 1515000 1520000 1525000 1530000 1535000 1540000 1545000 1550000 1555000 1560000 1565000 1570000 1575000 1580000 1585000 1590000 1595000 1600000 1605000 1610000 1615000 1620000 1625000 1630000 1635000 1640000 1645000 1650000 1655000 1660000 1665000 1670000 1675000 1680000 1685000 1690000 1695000 1700000 1705000 1710000 1715000 1720000 1725000 1730000 1735000 1740000 1745000 1750000 1755000 1760000 1765000 1770000 1775000 1780000 1785000 1790000 1795000 1800000 1805000 1810000 1815000 1820000 1825000 1830000 1835000 1840000 1845000 1850000 1855000 1860000 1865000 1870000 1875000 1880000 1885000 1890000 1895000 1900000 1905000 1910000 1915000 1920000 1925000 1930000 1935000 1940000 1945000 1950000 1955000 1960000 1965000 1970000 1975000 1980000 1985000 1990000 1995000 2000000 2005000 2010000 2015000 2020000 2025000 2030000 2035000 2040000 2045000 2050000 2055000 2060000 2065000 2070000 2075000 2080000 2085000 2090000 2095000 2100000 2105000 2110000 2115000 2120000 2125000 2130000 2135000 2140000 2145000 2150000 2155000 2160000 2165000 2170000 2175000 2180000 2185000 2190000 2195000 2200000 2205000 2210000 2215000 2220000 2225000 2230000 2235000 2240000 2245000 2250000 2255000 2260000 2265000 2270000 2275000 2280000 2285000 2290000 2295000 2300000 2305000 2310000 2315000 2320000 2325000 2330000 2335000 2340000 2345000 2350000 2355000 2360000 2365000 2370000 2375000 2380000 2385000 2390000 2395000 2400000 2405000 2410000 2415000 2420000 2425000 2430000 2435000 2440000 2445000 2450000 2455000 2460000 2465000 2470000 2475000 2480000 2485000 2490000 2495000 2500000 2505000 2510000 2515000 2520000 2525000 2530000 2535000 2540000 2545000 2550000 2555000 2560000 2565000 2570000 2575000 2580000 2585000 2590000 2595000 2600000 2605000 2610000 2615000 2620000 2625000 2630000 2635000 2640000 2645000 2650000 2655000 2660000 2665000 2670000 2675000 2680000 2685000 2690000 2695000 2700000 2705000 2710000 2715000 2720000 2725000 2730000 2735000 2740000 2745000 2750000 2755000 2760000 2765000 2770000 2775000 2780000 2785000 2790000 2795000 2800000 2805000 2810000 2815000 2820000 2825000 2830000 2835000 2840000 2845000 2850000 2855000 2860000 2865000 2870000 2875000 2880000 2885000 2890000 2895000 2900000 2905000 2910000 2915000 2920000 2925000 2930000 2935000 2940000 2945000 2950000 2955000 2960000 2965000 2970000 2975000 2980000 2985000 2990000 2995000 3000000 3005000 3010000 3015000 3020000 3025000 3030000 3035000 3040000 3045000 3050000 3055000 3060000 3065000 3070000 3075000 3080000 3085000 3090000 3095000 3100000 3105000 3110000 3115000 3120000 3125000 3130000 3135000 3140000 3145000 3150000 3155000 3160000 3165000 3170000 3175000 3180000 3185000 3190000 3195000 3200000 3205000 3210000 3215000 3220000 3225000 3230000 3235000 3240000 3245000 3250000 3255000 3260000 3265000 3270000 3275000 3280000 3285000 3290000 3295000 3300000 3305000 3310000 3315000 3320000 3325000 3330000 3335000 3340000 3345000 3350000 3355000 3360000 3365000 3370000 3375000 3380000 3385000 3390000 3395000 3400000 3405000 3410000 3415000 3420000 3425000 3430000 3435000 3440000 3445000 3450000 3455000 3460000 3465000 3470000 3475000 3480000 3485000 3490000 3495000 3500000 3505000 3510000 3515000 3520000 3525000 3530000 3535000 3540000 3545000 3550000 3555000 3560000 3565000 3570000 3575000 3580000 3585000 3590000 3595000 3600000 3605000 3610000 3615000 3620000 3625000 3630000 3635000 3640000 3645000 3650000 3655000 3660000 3665000 3670000 3675000 3680000 3685000 3690000 3695000 3700000 3705000 3710000 3715000 3720000 3725000 3730000 3735000 3740000 3745000 3750000 3755000 3760000 3765000 3770000 3775000 3780000 3785000 3790000 3795000 3800000 3805000 3810000 3815000 3820000 3825000 3830000 3835000 3840000 3845000 3850000 3855000 3860000 3865000 3870000 3875000 3880000 3885000 3890000 3895000 3900000 3905000 3910000 3915000 3920000 3925000 3930000 3935000 3940000 3945000 3950000 3955000 3960000 3965000 3970000 3975000 3980000 3985000 3990000 3995000 4000000 4005000 4010000 4015000 4020000 4025000 4030000 4035000 4040000 4045000 4050000 4055000 4060000 4065000 4070000 4075000 4080000 4085000 4090000 4095000 4100000 4105000 4110000 4115000 4120000 4125000 4130000 4135000 4140000 4145000 4150000 4155000 4160000 4165000 4170000 4175000 4180000 4185000 4190000 4195000 4200000 4205000 4210000 4215000 4220000 4225000 4230000 4235000 4240000 4245000 4250000 4255000 4260000 4265000 4270000 4275000 4280000 4285000 4290000 4295000 4300000 4305000 4310000 4315000 4320000 4325000 4330000 4335000 4340000 4345000 4350000 4355000 4360000 4365000 4370000 4375000 4380000 4385000 4390000 4395000 4400000 4405000 4410000 4415000 4420000 4425000 4430000 4435000 4440000 4445000 4450000 4455000 4460000 4465000 4470000 4475000 4480000 4485000 4490000 4495000 4500000 4505000 4510000 4515000 4520000 4525000 4530000 4535000 4540000 4545000 4550000 4555000 4560000 4565000 4570000 4575000 4580000 4585000 4590000 4595000 4600000 4605000 4610000 4615000 4620000 4625000 4630000 4635000 4640000 4645000 4650000 4655000 4660000 4665000 4670000 4675000 4680000 4685000 4690000 4695000 4700000 4705000 4710000 4715000 4720000 4725000 4730000 4735000 4740000 4745000 4750000 4755000 4760000 4765000 4770000 4775000 4780000 4785000 4790000 4795000 4800000 4805000 4810000 4815000 4820000 4825000 4830000 4835000 4840000 4845000 4850000 4855000 4860000 4865000 4870000 4875000 4880000 4885000 4890000 4895000 4900000 4905000 4910000 4915000 4920000 4925000 4930000 4935000 4940000 4945000 4950000 4955000 4960000 4965000 4970000 4975000 4980000 4985000 4990000 4995000 5000000 5005000 5010000 5015000 5020000 5025000 5030000 5035000 5040000 5045000 5050000 5055000 5060000 5065000 5070000 5075000 5080000 5085000 5090000 5095000 5100000 5105000 5110000 5115000 5120000 5125000 5130000 5135000 5140000 5145000 5150000 5155000 5160000 5165000 5170000 5175000 5180000 5185000 5190000 5195000 5200000 5205000 5210000 5215000 5220000 5225000 5230000 5235000 5240000 5245000 5250000 5255000 5260000 5265000 5270000 5275000 5280000 5285000 5290000 5295000 5300000 5305000 5310000 5315000 5320000 5325000 5330000 5335000 5340000 5345000 5350000 5355000 5360000 5365000 5370000 5375000 5380000 5385000 5390000 5395000 5400000 5405000 5410000 5415000 5420000 5425000 5430000 5435000 5440000 5445000 5450000 5455000 5460000 5465000 5470000 5475000 5480000 5485000 5490000 5495000 5500000 5505000 5510000 5515000 5520000 5525000 5530000 5535000 5540000 5545000 5550000 5555000 5560000 5565000 5570000 5575000 5580000 5585000 5590000 5595000 5600000 5605000 5610000 5615000 5620000 5625000 5630000 5635000 5640000 5645000 5650000 5655000 5660000 5665000 5670000 5675000 5680000 5685000 5690000 5695000 5700000 5705000 5710000 5715000 5720000 5725000 5730000 5735000 5740000 5745000 5750000 5755000 5760000 5765000 5770000 5775000 5780000 5785000 5790000 5795000 5800000 5805000 5810000 5815000 5820000 5825000 5830000 5835000 5840000 5845000 5850000 5855000 5860000 5865000 5870000 5875000 5880000 5885000 5890000 5895000 5900000 5905000 5910000 5915000 5920000 5925000 5930000 5935000 5940000 5945000 5950000 5955000 5960000 5965000 5970000 5975000 5980000 5985000 5990000 5995000 6000000 6005000 6010000 6015000 6020000 6025000 6030000 6035000 6040000 6045000 6050000 6055000 6060000 6065000 6070000 6075000 6080000 6085000 6090000 6095000 6100000 6105000 6110000 6115000 6120000 6125000 6130000 6135000 6140000 6145000 6150000 6155000 6160000 6165000 6170000 6175000 6180000 6185000 6190000 6195000 6200000 6205000 6210000 6215000 6220000 6225000 6230000 6235000 6240000 6245000 6250000 6255000 6260000 6265000 6270000 6275000 6280000 6285000 6290000 6295000 6300000 6305000 6310000 6315000 6320000 6325000 6330000 6335000 6340000 6345000 6350000 6355000 6360000 6365000 6370000 6375000 6380000 6385000 6390000 6395000 6400000 6405000 6410000 6415000 6420000 6425000 6430000 6435000 6440000 6445000 6450000 6455000 6460000 6465000 6470000 6475000 6480000 6485000 6490000 6495000 6500000 6505000 6510000 6515000 6520000 6525000 6530000 6535000 6540000 6545000 6550000 6555000 6560000 6565000 6570000 6575000 6580000 6585000 6590000 6595000 6600000 6605000 6610000 6615000 6620000 6625000 6630000 6635000 6640000 6645000 6650000 6655000 6660000 6665000 6670000 6675000 6680000 6685000 6690000 6695000 6700000 6705000 6710000 6715000 6720000 6725000 6730000 6735000 6740000 6745000 6750000 6755000 6760000 6765000 6770000 6775000 6780000 6785000 6790000 6795000 6800000 6805000 6810000 6815000 6820000 6825000 6830000 6835000 6840000 6845000 6850000 6855000 6860000 6865000 6870000 6875000 6880000 6885000 6890000 6895000 6900000 6905000 6910000 6915000 6920000 6925000 6930000 6935000 6940000 6945000 6950000 6955000 6960000 6965000 6970000 6975000 6980000 6985000 6990000 6995000 7000000 7005000 7010000 7015000 7020000 7025000 7030000 7035000 7040000 7045000 7050000 7055000 7060000 7065000 7070000 7075000 7080000 7085000 7090000 7095000 7100000 7105000 7110000 7115000 7120000 7125000 7130000 7135000 7140000 7145000 7150000 7155000 7160000 7165000 7170000 7175000 7180000 7185000 7190000 7195000 7200000 7205000 7210000 7215000 7220000 7225000 7230000 7235000 7240000 7245000 7250000 7255000 7260000 7265000 7270000 7275000 7280000 7285000 7290000 7295000 7300000 7305000 731



Chứng quyền có bảo đảm là một sản phẩm được phát hành bởi công ty chứng khoán, được niêm yết và giao dịch trên HOSE. Sản phẩm này mang lại cho nhà đầu tư công cụ phòng hộ rủi ro, cũng như đa dạng hóa và gia tăng hiệu quả cho danh mục đầu tư khi thị trường chứng khoán có biến động mạnh. Với tác động đòn bẩy cao, đây là cơ hội cho các nhà đầu tư với số vốn nhỏ có thể tiếp cận được cổ phiếu của các doanh nghiệp tốt trên thị trường thông qua sản phẩm chứng quyền. Khi có một sự thay đổi nhỏ về giá của chứng khoán cơ sở có thể dẫn đến sự thay đổi lớn hơn về giá của chứng quyền.

Giá chứng quyền phụ thuộc nhiều vào giá chứng khoán cơ sở, diễn biến chung của thị trường và một số yếu tố khác. Khi đầu tư vào chứng quyền mua, lợi nhuận có thể thu được là không hạn chế trong trường hợp biến động giá của chứng khoán cơ sở theo xu hướng tăng như kỳ vọng. Trong khi đó, khoản lỗ tối đa được cố định trong trường hợp biến động giá của chứng khoán cơ sở theo xu hướng không như dự đoán và khoản lỗ đó cũng chính là chi phí mua chứng quyền mua của nhà đầu tư.

Thời gian và phương thức giao dịch chứng quyền được thực hiện một cách dễ dàng và thuận lợi tương tự như chứng khoán cơ sở đang giao dịch trên HOSE. Nhà đầu tư không cần phải mở tài khoản giao dịch khác để đầu tư vào chứng quyền. Ngoài ra, các tổ chức phát hành phải thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành theo quy định cũng góp phần đảm bảo thanh khoản và thu hút nhiều nhà đầu tư quan tâm.

Đối với các nhà đầu tư nước ngoài, chứng quyền là một sản phẩm đầu tư hấp dẫn bởi không giới hạn tỷ lệ đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài như khi đầu tư vào chứng khoán cơ sở. Qua đó, thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và chứng quyền nói riêng sẽ thu hút các tổ chức tài chính quốc tế, tạo sân chơi rộng hơn cho các nhà đầu tư, thể hiện sự chuyên nghiệp của thị trường.

Tuy nhiên, do chứng quyền là một loại chứng khoán có những yếu tố đặc thù riêng biệt, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cần nghiên cứu, tìm hiểu kỹ trước khi ra quyết định đầu tư nhằm giảm thiểu những rủi ro và tổn thất có thể xảy ra.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2000. Hội sở chính đặt tại: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 03, TP. Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ hiện nay của ACBS là 11.000 tỷ đồng.



Năm 2000: Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép hoạt động số 06/GPHĐKD ngày 29/6/2000 cho Công ty TNHH Chứng khoán ACB thành lập với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu. Vốn điều lệ ban đầu là 43 tỷ đồng (Bốn mươi ba tỷ đồng). Từ ngày đầu hoạt động, ACBS đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo luật định: Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư.

Năm 2005: ACBS thay đổi vốn điều lệ lần thứ nhất, tăng lên 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng).

Năm 2006: Tháng 05/2006, vốn điều lệ tăng lần hai là 250 tỷ đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng). Chuyển trụ sở chính đến 9 Lê Ngô Cát, Phường 07, Quận 03, Tp. HCM.

Năm 2007: Tháng 09/2007, thay đổi vốn điều lệ lần ba, tăng thành 500 tỷ đồng (Năm trăm tỷ đồng). Ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến, cho phép giao dịch qua Internet với phương thức bảo mật bằng Chứng chỉ số.

Năm 2008: Ngày 04/09/2008, ACBS tăng vốn lần thứ tư, vốn điều lệ lúc này là 1.000 tỷ đồng (Một ngàn tỷ đồng). Trụ sở chính chuyển đến 107N Trương Định, Phường 06, Quận 03, Tp. HCM. Đồng thời, nghiệp vụ Quản lý Danh mục đầu tư được hủy bỏ theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Năm 2009: Ngày 04/11/2009, ACBS tăng vốn điều lệ lần thứ năm, 1.500 tỷ đồng. (Một ngàn năm trăm tỷ đồng). Định vị thương hiệu với giá trị cốt lõi: An toàn, Chính xác, Bảo mật, Sáng tạo.

Năm 2010: Đưa vào sử dụng dịch vụ giao dịch qua Tổng đài điện thoại 1900 5555533. Chuyển đổi phương thức bảo mật từ Chứng chỉ số hành USB Token cho các giao dịch qua Internet.

Năm 2011: ACBS vinh hạnh được Tạp chí Asiamoney trao tặng nhiều danh hiệu xuất sắc như: Chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất; Thực hiện giao dịch tốt nhất; Tổ chức sự kiện và hội thảo tốt nhất; Tổ chức giới thiệu cơ hội đầu tư và gặp gỡ doanh nghiệp tốt nhất; Chuyên viên môi giới xuất sắc nhất.

Năm 2012: ACBS đã chính thức triển khai giải pháp kết nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký nước ngoài. Đứng hạng 3 về thị phần môi giới trên cả hai sàn HOSE và HNX.

Năm 2013: Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch ACBS Trading cho thiết bị di động dùng hệ điều hành iOS.

Năm 2014: Ngày 13/06/2014, ACBS chuyển đổi trụ sở chính đến 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. HCM. Thay đổi giá trị cốt lõi: Chính trực, Hiệu quả, Hải hòa, Cần trọng, Cách tân.

Năm 2015: Chính thức vận hành hệ thống giao dịch mới hiện đại, an toàn, bảo mật hơn. Ra mắt phần mềm giao dịch ACBS Trading cho máy tính bàn, máy tính xách tay và các thiết bị di



động sử dụng hệ điều hành Android. Được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán tiêu biểu của Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Năm 2016: Ngày 06/01/2016, ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống nhận diện thương hiệu mới trên nền tảng những giá trị cốt lõi “Đáng tin cậy – Thân thiện – Nhạy bén”. Ngày 22/04/2016, khai trương phòng giao dịch Bàu Cát; Nâng cao thành công hệ thống giao dịch mới hiện đại, nhanh gọn, an toàn, bảo mật hơn; Là 1 trong 4 Công ty Chứng khoán được UBND Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh và trao tặng bằng khen do có hoạt động xuất sắc nhiều năm liền.

Năm 2017: Thành lập chi nhánh Đồng Nai; Ra mắt ứng dụng ACBS trade giúp giao dịch chứng khoán trực tuyến trên iOS và Android; Quý III/ 2017 Thành lập chi nhánh Mạc Đĩnh Chi 4; Tổ chức Cuộc thi “TRADE PRO 2017” dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế – tài chính, chứng khoán hoặc ngân hàng trên địa bàn Tp. HCM. ACBS được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu; Ra mắt chương trình Top Trader – Nhà đầu tư tài năng.

Năm 2018: Tiếp tục tổ chức cuộc thi ACBS Trade Pro dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế – tài chính, chứng khoán hoặc ngân hàng trên địa bàn TP.HCM. Kỷ niệm 18 năm thành lập Công ty TNHH Chứng Khoán ACB. Được vinh danh Top 10 công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu của HNX và HSX.

Năm 2019: Ngày 20/5 ABCS ký thỏa thuận hợp tác với EFG Hermes. Chi nhánh Chợ Lớn được thay đổi địa điểm hoạt động về địa chỉ 321 – 323 Trần Phú, Phường 08, Quận 05, Tp. HCM.

Năm 2021: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 3.000.000.000.000 đồng.

Năm 2022: ACBS chuyển Trụ sở chính về địa chỉ Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM

Năm 2023: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 4.000.000.000.000 đồng, đồng thời ACBS mở thêm Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi và Chi nhánh Đồng Sài Gòn.

Năm 2024: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 7.000.000.000.000 đồng.

Năm 2025: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 11.000.000.000.000 đồng.

✦ Thành tích, giải thưởng đạt được





1.2. Cơ cấu tổ chức Công ty



1. HỘI SỞ
2. CHI NHÁNH HÀ NỘI
3. CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
4. CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
5. CHI NHÁNH KHÁNH HÒA
6. CHI NHÁNH VŨNG TÀU
7. CHI NHÁNH TRƯƠNG ĐỊNH
8. CHI NHÁNH MẠC ĐÌNH CHI
9. CHI NHÁNH CÁCH MẠNG THÁNG 8
10. CHI NHÁNH CHỢ LỚN
11. CHI NHÁNH ĐÔNG SÀI GÒN
12. PGD NGUYỄN THỊ MINH KHAI
13. CHI NHÁNH CẦN THƠ

(Nguồn: ACBS)

✚ Công ty mẹ: Ngân hàng TMCP Á Châu

- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 03, Tp. HCM.
- Điện thoại: 028.39290999. Fax: 028.38399885.
- Vốn điều lệ: 44.666 tỷ đồng.

✚ Công ty: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP. HCM.
- Điện thoại: 028 7300 7000. Fax: 028. 7300 3751
- Vốn điều lệ: 11.000 tỷ đồng do Ngân hàng TMCP Á Châu sở hữu 100%.

- Địa chỉ: 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 02, Quận 03, Tp. HCM.
- Điện thoại: 028.62905989.
- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB sở hữu 100%

The organizational chart of the Vietnam National Bank (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) is structured as follows:

- Chủ tịch HĐQT** (Chairman of the Board of Directors)
 - Hội đồng quản trị VNBN** (Board of Directors of VNBN)
 - Tổng Giám đốc** (General Director)
 - Mạng Kinh Doanh** (Business Network)
 - Khởi Kinh doanh chung khoán
 - P. Khách hàng định chế
 - P. Quản lý hiệu quả kinh doanh môi giới
 - P. Giao dịch chứng khoán trực tuyến
 - P. Khách hàng ưu tiên
 - Khởi Đầu tư**
 - P. Đầu tư tự doanh
 - P. Kinh doanh vốn
 - P. Tư vấn doanh nghiệp
 - P. Thị trường phái sinh
 - P. Phân tích & Chiến lược thị trường**
 - Khởi Tài chính**
 - P. Quản trị rủi ro tín dụng
 - P. Quản trị rủi ro thanh toán
 - Khởi Nhân sự**
 - P. Quản trị Nguồn nhân lực
 - P. Tuyển dụng và Đào tạo
 - P. Tuyển dụng và Đào tạo

At the bottom, a box indicates the bank's mission: **Sinh sản phát triển (Cứu đói nghèo, xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, xã hội Việt Nam)**.

(Nguồn: ACBS)

Ban kiểm soát gồm 01 (một) đến 03 (ba) Kiểm soát viên do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng thành viên gồm 03 (ba) đến 07 (bảy) thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kỳ 05 (năm) năm; nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ



quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và của pháp luật có liên quan.

Các đơn vị trực thuộc Hội đồng thành viên (HĐTV)

✦ Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng:

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (TGD) trong việc thực hiện chức năng về quản trị nhân sự và lương thưởng nhằm xây dựng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, phục vụ hiệu quả cho nhu cầu phát triển của ACBS.

✦ Hội đồng quản lý rủi ro:

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro tại ACBS.

✦ Hội đồng đầu tư:

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến hoạt động đầu tư tại ACBS.

✦ Hội đồng quản lý tài sản Nợ - tài sản Có (Hội đồng ALCO):

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định để duy trì bằng cân đối kế toán bền vững và hiệu quả, từ đó tối đa hóa lợi nhuận theo khẩu vị và khả năng chịu đựng rủi ro cũng như vốn tự có của ACBS.

✦ Hội đồng Công nghệ thông tin (HĐ CNTT):

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐTV nhằm đề xuất, tham mưu cho HĐTV về lĩnh vực Công nghệ thông tin nhằm đảm bảo thực thi việc phát triển CNTT phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của ACBS trong từng thời kỳ.

✦ Bộ phận Kiểm toán nội bộ:

Bộ phận Kiểm toán nội bộ là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên, có trách nhiệm đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Hội đồng thành viên; kiểm tra, xem xét, đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc; đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; tham mưu thiết lập các chính sách, quy trình nội bộ; đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh; đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh; đánh giá hiệu quả của các hoạt động và việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng; kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin; điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty; kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con; kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Chủ



sở hữu. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật.

± **Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Chủ sở hữu bổ nhiệm hoặc thuê với nhiệm kỳ theo quy định của Chủ sở hữu từng thời kỳ, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; chịu sự giám sát của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc được phân công phụ trách các mảng công việc khác nhau.

Các đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc

± **Hội đồng kinh doanh:**

Hội đồng kinh doanh là cơ quan chuyên môn trực thuộc Tổng Giám đốc nhằm đề xuất, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định thực hiện nhiệm vụ kinh doanh do Hội đồng thành viên phân công/ủy quyền trong từng thời kỳ.

Cơ cấu tổ chức phân thành Kênh phân phối và 05 (năm) Khối thuộc Hội sở như sau:

- a) **Kênh phân phối** là trung tâm lợi nhuận, là đầu mối tiếp xúc trực tiếp với khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức (ngoại trừ các tổ chức định chế tài chính) để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển, chăm sóc và quản lý khách hàng đồng thời cung cấp các sản phẩm dịch vụ khách hàng bao gồm thực hiện các nghiệp vụ môi giới, tư vấn đầu tư, tư vấn sử dụng dịch vụ lưu ký, cầm cố, mua bán thỏa thuận cổ phiếu chưa niêm yết ... cho khách hàng cập nhật và cung cấp thông tin thị trường, pháp luật, chuyên môn cho khách hàng.

- b) **Mạng kinh doanh** chia thành 02 (hai) Khối:

Khối Kinh doanh gồm 04 (bốn) Phòng: Phòng Quản lý hiệu quả kinh doanh môi giới; Phòng Giao dịch chứng khoán trực tuyến; Phòng Khách hàng Định chế; Phòng Khách hàng ưu tiên.

- i. **Phòng Quản lý hiệu quả kinh doanh môi giới** là đơn vị hỗ trợ Ban Tổng giám đốc và phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ trong việc xây dựng và triển khai các chính sách kinh doanh, chính sách sản phẩm, chính sách hoa hồng môi giới, quản lý hiệu quả kinh doanh tại Kênh phân phối; hỗ trợ Kênh phân phối các công việc có liên quan trong quá trình vận hành kinh doanh.
- ii. **Phòng Giao dịch chứng khoán trực tuyến** là đơn vị quản lý, phát triển chăm sóc khách hàng không có nhân viên tại Kênh phân phối chăm sóc thông qua các công cụ, nền tảng trực tuyến nhằm gia tăng tài sản, giá trị giao dịch của khách hàng tại ACBS.
- iii. **Phòng Khách hàng Định chế** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển, chăm sóc và quản lý khách hàng đồng thời cung cấp các sản phẩm



dịch vụ đến khách hàng là các định chế tài chính, thực hiện các nghiệp vụ môi giới tư vấn đầu tư, xử lý lệnh mua bán chứng khoán cho các khách hàng định chế tài chính, cập nhật và cung cấp các bài phân tích thông tin thị trường, thông tin giao dịch, các bài phân tích đầu tư chứng khoán chuyên sâu cho khách hàng.

- iv. **Phòng Khách hàng ưu tiên** là đơn vị tư vấn và cung cấp dịch vụ khách hàng ưu tiên tại Hội sở, thực hiện tư vấn, quản lý và triển khai các chính sách bán hàng, tập trung vào việc phân phối sản phẩm và phát triển phân khúc khách hàng ưu tiên nhóm khách hàng ưu tiên (bao gồm khách hàng cá nhân có giao dịch lớn...).

Khối Đầu tư gồm 04 (bốn) Phòng: Phòng Tư vấn Doanh nghiệp; Phòng Đầu tư Tự doanh; Phòng Thị trường Phái sinh; Phòng Kinh doanh vốn.

- v. **Phòng Tư vấn Doanh nghiệp** là đơn vị kinh doanh trực thuộc Hội sở, là nơi cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến thị trường vốn, thị trường nợ, tư vấn mua bán và sát nhập doanh nghiệp, các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác có liên quan đến việc sử dụng nguồn vốn tại ACBS.
- vi. **Phòng Đầu tư Tự doanh** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh đầu tư cổ phiếu, trái phiếu.
- vii. **Phòng Thị trường Phái sinh** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh các sản phẩm phái sinh, sản phẩm chứng quyền có đảm bảo, sản phẩm tài chính có cấu trúc.
- viii. **Phòng Kinh doanh vốn** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh vốn câu Công ty trong từng thời kỳ nhằm tối ưu hóa chi phí và gia tăng lợi nhuận cho Công ty; quản lý tài sản Nợ - Có của Công ty theo định hướng của Hội đồng ALCO; quản lý thanh khoản của công ty nhằm đảm bảo thanh khoản phục vụ hoạt động kinh doanh và tuân thủ các quy định.

- c) **Phòng Phân tích và Chiến lược** thị trường là đơn vị hỗ trợ các đơn vị kinh doanh toàn Công ty thông qua việc cung cấp các báo cáo phân tích, các báo cáo nhận định thị trường, phân tích chứng khoán, báo cáo chiến lược, khảo sát đánh giá đối thủ cạnh tranh và thị trường nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, gia tăng giá trị đầu tư cho Công ty và khách hàng.

- d) **Khối Quản lý Rủi ro** gồm 03 (ba) Phòng: Phòng Quản lý Rủi ro; Phòng Kiểm soát nội bộ; Phòng Pháp chế.

- i. **Phòng Quản lý Rủi ro** là đơn vị thực hiện xác định, đánh giá và giám sát rủi ro, xây dựng và triển khai các chính sách quản lý rủi ro, phê duyệt cấp tín dụng, đề xuất giải pháp giảm thiểu rủi ro, và tư vấn cho ban lãnh đạo để đưa ra các hướng giải quyết phù hợp.
- ii. **Phòng Kiểm soát nội bộ** là đơn vị thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát, giám sát, cảnh báo; bao gồm và không giới hạn ở công việc kiểm soát việc tuân thủ, kiểm soát tình hình hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Hội



đồng thành viên, các quy chế, quy định, thủ tục, quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn công việc, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các Ban/Phòng/Bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty

iii. **Phòng Pháp chế** là đơn vị tham mưu và tư vấn những vấn đề pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; làm đầu mối trong việc xử lý thu hồi nợ xấu bảo đảm tuân thủ theo quy định hiện hành.

e) **Khối Vận hành** gồm 04 (bốn) Phòng: Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán; Phòng Phát triển ứng dụng và sản phẩm; Phòng Phát triển hạ tầng và Vận hành Công nghệ thông tin; Phòng Dữ liệu và Phân tích.

i. **Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán** là đơn vị chức năng tại Hội sở chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và hỗ trợ thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghiệp vụ chứng khoán cho tất cả các đơn vị trong toàn Công ty.

ii. **Phòng Phát triển ứng dụng và sản phẩm số** là đơn vị hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc quy hoạch và xây dựng lộ trình triển khai các công việc xây dựng và phát triển công nghệ số trong ACBS; phối hợp cùng các đơn vị trong ACBS để triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ việc kinh doanh hiệu quả và hỗ trợ đạt mục tiêu kinh doanh chung của ACBS; triển khai số hóa, tự động hóa và tối ưu hóa nghiệp vụ nhằm giảm thiểu công việc thủ công, hoàn thiện hơn quy trình vận hành và tăng năng suất lao động.

iii. **Phòng Phát triển hạ tầng và Vận hành Công nghệ thông tin** là đơn vị chịu trách nhiệm phát triển hạ tầng, quản lý bảo mật, quản lý vận hành hệ thống thông tin ổn định, hoạt động liên tục và an toàn thông tin theo quy định của Luật chứng khoán, các cơ quan công quyền có liên quan và ACBS; quản trị kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin nhằm đáp ứng tính ổn định, khả năng tương tác và mở rộng nhằm hỗ trợ chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

iv. **Phòng Dữ liệu và Phân tích** là đơn vị chịu trách nhiệm quản trị và khai thác dữ liệu, triển khai hoạt động làm giàu dữ liệu và phân tích dữ liệu nhằm đề xuất các biện pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả kinh doanh và doanh số của ACBS; là đầu mối cung cấp các dữ liệu, báo cáo, phân tích theo nhu cầu của các đơn vị trong ACBS.

f) **Khối Tài chính** gồm 02 (hai) Phòng: Phòng Quản trị kết quả hoạt động; Phòng Kế toán.

i. **Phòng Quản trị kết quả hoạt động** là đơn vị chịu trách nhiệm Quản trị kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; Thiết lập và vận hành các quy trình, hệ thống báo cáo để đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty; phân tích vị thế của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường.

ii. **Phòng Kế toán** là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu, tổ chức vận hành, quản lý và thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo quy định của Công ty, ACB và các quy định hiện hành của pháp luật; quản lý chi phí bao gồm ngân sách và hiệu quả chi phí cho Công ty.



g) **Khối Hỗ trợ** gồm 03 (ba) Phòng: Phòng Quản trị Nguồn nhân lực; Phòng Hành chính tổng hợp và Phòng Truyền thông.

- i. **Phòng Quản trị Nguồn nhân lực** là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các công việc liên quan đến chiến lược quản trị nguồn nhân lực, thực hiện các chính sách nhân sự, phát triển và thu hút nhân tài, quy hoạch và quản lý hiệu quả đội ngũ nhân sự, nhằm hỗ trợ và thúc đẩy thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty.
- ii. **Phòng Hành chính Tổng hợp** là đơn vị tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến quản trị hành chính của hệ thống, công tác phát triển cơ sở vật chất, quản lý tài sản, trang thiết bị làm việc và các công việc có liên quan khác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty
- iii. **Phòng Truyền thông** là đơn vị tổ chức thực hiện công tác truyền thông, tổ chức sự kiện của Công ty, tổ chức hoạt động truyền thông được thực hiện trên nền tảng kỹ thuật số, quản lý nhận diện thương hiệu và xây dựng hình ảnh Công ty.

1.4. **Danh sách thành viên góp vốn (tên, địa chỉ, tỷ lệ nắm giữ) nắm giữ từ 5% trở lên vốn góp của công ty và những người có liên quan; Danh sách thành viên sáng lập và tỷ lệ vốn góp nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực)**

Danh sách thành viên góp vốn nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

DVT: tỷ đồng

Tên thành viên góp vốn	Địa chỉ	Số vốn góp	Tỷ lệ (%)
Ngân hàng TMCP Á Châu	Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 03, Tp. HCM	11.000	100%
Tổng cộng		11.000	100%

(Nguồn: ACBS)

1.5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành;**

✚ **Công ty mẹ: Ngân hàng TMCP Á Châu**

- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 03, Tp. HCM.
- Điện thoại: 028.39290999. Fax: 028.38399885.
- Vốn điều lệ: 44.666 tỷ đồng.

✚ **Công ty con: Công ty TNHH MTV quản lý quỹ ACB**



- Địa chỉ: 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 02, Quận 03, Tp. HCM.
- Điện thoại: 028.62905989.
- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB sở hữu 100%.

Những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có

1.6. Thông tin về ban điều hành tổ chức phát hành

➤ Hội đồng thành viên

Stt	Họ và tên	Chức danh
1.	Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
2.	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch
3.	Trịnh Bảo Quốc	Thành viên
4.	Huỳnh Duy Sang	Thành viên

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Họ và tên : Đỗ Minh Toàn.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1971.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ; Cử nhân ngành Ngân hàng Đại học Ngân hàng TP.HCM; Cử nhân Quản trị ngoại thương Đại học Kinh Tế TP.HCM; Cử nhân Luật Đại học Luật TP.HCM.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng ACB.

Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên

Họ và tên : Nguyễn Đức Thái Hân.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.



Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1967.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học, Đại học Tổng hợp TP.HCM.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng ACB.

Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên : Trịnh Bảo Quốc.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Mỹ.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1971.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường kinh doanh Berkeley Haas, Đại học California, Hoa Kỳ; Cử nhân sinh vật học và cử nhân sử học, Trường Đại học Kansas, Hoa Kỳ.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng ACB.

Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên : Huỳnh Duy Sang.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1984.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng, Đại học Paris Dauphine & ESCP Europe.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Hội đồng thành viên.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Phó Giám đốc Khối Thị trường Tài chính Ngân hàng ACB.

✚ Ban Tổng Giám đốc



Stt	Họ và tên	Chức danh
1.	Nguyễn Đức Hoàn	Tổng Giám đốc
2.	Lê Hoàng Tân	Phó Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Đức Hoàn.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1974.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Leicester (Anh); Thạc sĩ Khoa học Tài chính Quốc tế (MSc in Finance), Đại học Westminster (Anh).

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Không có.

Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Lê Hoàng Tân.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1983.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh Tế TP.HCM.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Không.

➤ Kiểm soát viên

Stt	Họ và tên	Chức danh
1.	Huỳnh Hiếu Nghĩa	Kiểm soát viên

Họ và tên : Huỳnh Hiếu Nghĩa.

Giới tính : Nam.



Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1964.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kiểm soát viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Ngân hàng ACB.

⚡ **Phó Giám đốc tài chính/Kế toán trưởng**

Stt	Họ và tên	Chức danh
1.	Võ Văn Vân	Phó Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Kế toán trưởng

Họ và tên : Võ Văn Vân.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1978.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Không có.

1.7. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực

- Ông Đặng Quang Huy – Cán bộ Quản lý rủi ro thanh khoản và thị trường.
- Chứng chỉ hành nghề của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: Phân tích tài chính
- Kinh nghiệm: Có 8 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán.

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của tổ chức phát hành

⚡ **Tình hình hoạt động của tổ chức phát hành:**

Hoạt động kinh doanh chính của ACBS:



Trong năm 2024, ACBS đã đạt được nhiều thành công, bảng tổng kết tài sản tăng trưởng cao và lợi nhuận tăng trưởng vượt trội. Đồng thời chúng tôi duy trì được cấu trúc tài chính lành mạnh, thanh khoản dồi dào và an toàn vốn cao, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản đạt gần 26.000 tỷ đồng, tăng 121% và vượt kế hoạch nội bộ đề ra.
- Cho vay khách hàng đạt xấp xỉ 8.700 tỷ, tăng 90% so với năm 2023.
- Vay vốn đạt gần 16.500 tỷ, tăng 3 lần so với đầu năm.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 847 tỷ đồng, tăng 72% so với năm 2023.
- Khả năng sinh lời được cải thiện do tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt mức 3,2% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt mức 7,4%.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động so với thu nhập được cải thiện, giảm chỉ còn 20% so với mức 22% vào cuối năm 2023.
- Năm 2024 là năm duy trì sự bùng nổ hoạt động hợp tác giữa ACBS và các tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Cụ thể ACBS được cấp và đang sử dụng 16.500 tỷ hạn mức tín dụng và tiếp tục được nâng cấp cả về chiều sâu và chiều rộng, đảm bảo ACBS luôn có đầy đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và tài trợ cho khách hàng.
- ACBS sở hữu chất lượng tài sản tốt và không phát sinh nợ xấu.
- Hoạt động môi giới là hoạt động kinh doanh cốt lõi của ACBS với mạng lưới rộng khắp cả nước từ Bắc vào Nam tại 13 điểm kinh doanh khác nhau. Với chiến lược kinh doanh trong thời gian sắp tới, ACBS đang hướng đến mục tiêu thuộc Top 10 Công ty có thị phần môi giới cao nhất trên các Sở Giao dịch chứng khoán.
- Bên cạnh hoạt động môi giới, Lợi nhuận sau thuế năm 2024 của ACBS đạt 683 tỷ đồng chủ yếu tăng trưởng từ các hoạt động đầu tư vào các tài sản tài chính, hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động cho vay ký quỹ. Các hoạt động khác như dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ khác được duy trì ở mức ổn định. ACBS chưa cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành.

Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2024 là một năm nhiều biến động với thị trường chứng khoán Việt Nam với sự bất ổn định của địa chính trị trên thế giới. Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12/2024, chỉ số VnIndex đóng cửa ở mức 1.266,78 điểm, tăng hơn 12% so với đầu năm. Tổng vốn hóa thị trường đến hết năm 2024 đạt hơn 290 tỷ USD, tương đương 70,4% GDP. Tuy nhiên, vượt qua những biến động của thị trường cùng với những quyết định kịp thời của Hội đồng Đầu tư, kết quả lợi nhuận đầu tư của ACBS vẫn đạt được hiệu quả nhất định, mặc dù ACBS luôn trong tâm thế hạn chế rủi ro đầu tư ở mức tối đa.

Song hành với sự thay đổi hành vi và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trên thị trường cơ sở, Nhà



đầu tư chứng quyền cũng trở nên phòng thủ hơn và chấp nhận mức định giá thấp hơn rất nhiều so với giai đoạn 2021-2023. Với sự thích ứng và kinh nghiệm hoạt động từ năm 2020, ACBS đã cải tiến sản phẩm và thu hút được chú ý nhiều hơn của khách hàng trên thị trường, giúp ACBS gia tăng thị phần trên thị trường chứng quyền và duy trì ổn định trong Nhóm 3 Nhà tạo lập thị trường hàng đầu thị trường Việt Nam. Sản phẩm chứng quyền của ACBS dần dần có tính cạnh tranh cao và trở thành kênh đầu tư phòng vệ và thay thế hợp lý cho Nhà đầu tư yêu thích các cổ phiếu vốn hóa lớn. Xu hướng này sẽ tiếp tục phát triển và mở rộng trong năm 2025.

Trong chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 vừa được Thủ tướng phê duyệt, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu sẽ đạt 100% GDP năm 2025 và 120% GDP vào năm 2030. Con số này gần gấp đôi so với quy mô vốn hóa hiện tại. Dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 47% GDP (trong đó dư nợ trái phiếu doanh nghiệp đạt tối thiểu 20% GDP) vào năm 2025 và đạt tối thiểu 58% GDP vào năm 2030. Đi theo dòng chảy ấy, các khoản đầu tư tiếp theo trong năm 2024 của ACBS bắt buộc phải mở rộng mạnh về cả lượng và chất để có thể đem lại không những lợi nhuận cho Công ty, cổ đông mà còn cho khách hàng tin tưởng sử dụng dịch vụ liên quan đầu tư của ACBS.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC) là công ty con của ACBS được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Năm 2024 thị trường chứng khoán có diễn biến tương đối tích cực nhưng vẫn còn nhiều biến động. Tuy nhiên, ACBC vẫn linh hoạt cùng diễn biến thị trường để khai thác hiệu quả sinh lời và bám sát chiến lược đầu tư, đảm bảo quản trị rủi ro, tập trung vào các giá trị tăng thêm cho khách hàng. Hoạt động kinh doanh của ACBC tập trung vào việc khai thác tối ưu hiệu quả đầu tư và phát triển bền vững trong dài hạn.

Kết thúc năm 2024, hoạt động của ACBC đạt kết quả như sau:

- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 3,5 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 2,8 tỷ đồng

Trong năm 2025, ACBC tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý tài sản cho khách hàng hiện hữu, đồng thời quản lý có hiệu quả Quỹ thành viên ACB50 nhằm đem lại giá trị tối ưu cho khách hàng. ACBC tiếp tục nghiên cứu, thiết kế và quản lý các quỹ đầu tư mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng.



⚡ **Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại (nếu có)**

Hiện nay, Công ty đang có tranh chấp Hợp đồng giao dịch ký quỹ với khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn là 1 (một) bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong các sự việc mà các Bên khác đang tranh chấp về Hợp đồng mua bán trái phiếu và Bồi thường thiệt hại hợp đồng.

Các tranh chấp/kiện tụng tính đến thời điểm hiện tại không làm ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

⚡ **Tình hình tuân thủ nghĩa vụ thanh toán của sản phẩm tài chính đã chào bán.**

Từ năm 2020, ACBS đã thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính là Chứng quyền có bảo đảm và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán khi chứng quyền đáo hạn theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 202 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm 2023 – 2024 và lũy kế đến Quý gần nhất

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm 2024/2023	Lũy kế đến Quý 1/2025
1	Tổng giá trị tài sản	11.772.577	26.040.684	121,2%	30.491.212
2	Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	1.674.713	2.534.400	51,33%	752.866
3	Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	491.301	846.194	72,24%	181.603
4	Lợi nhuận khác	663	488	-26,4%	(24)
5	Lợi nhuận trước thuế	491.965	846.682	72,10%	181.579
6	Lợi nhuận sau thuế	396.437	683.017	72,29%	146.101

(Nguồn: BCTC hợp nhất – đã kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý 1/2025 của ACBS)

2.3. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành:

⚡ **Các chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành và niêm yết trên HOSE**

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
1	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/	CHPG2402	Mua/ Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	2,7268:1	28.177 đồng	10.500.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
	EU/Cash/12M/49								
2	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/50	CMBB2402	Mua/ Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,7003:1	20.403 đồng	11.000.000
3	Chứng quyền MWG/ACBS/Call /EU/Cash/12M/51	CMWG2401	Mua/ Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	3,9685:1	65.479 đồng	10.000.000
4	Chứng quyền STB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/52	CSTB2402	Mua/ Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	3:1	30.000 đồng	10.500.000
5	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/53	CVIB2402	Mua/ Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,6444:1	19.732 đồng	10.000.000
6	Chứng quyền VNM/ACBS/Call /EU/Cash/12M/54	CVNM2401	Mua/ Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	7,6765:1	63.331 đồng	8.000.000
7	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/55	CVPB2401	Mua/ Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,8990:1	19.939 đồng	9.000.000
8	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/56	CFPT2404	Mua/ Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	14,8960: 1	120.161 đồng	12.000.000
9	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/57	CHPG2409	Mua/ Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	3:1	25.000 đồng	20.000.000
10	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/58	CMBB2407	Mua/ Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	1,7377:1	22.590 đồng	15.000.000
11	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/59	CMSN2406	Mua/ Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	6:1	79.000 đồng	6.000.000
12	Chứng quyền MWG/ACBS/Call /EU/Cash/12M/60	CMWG2407	Mua/ Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	6:1	70.000 đồng	18.000.000
13	Chứng quyền STB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/61	CSTB2410	Mua/ Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	3:1	38.000 đồng	11.000.000
14	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/62	CTCB2403	Mua/ Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	5:1	26.000 đồng	12.000.000
15	Chứng quyền	CVHM2408	Mua/	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	4:1	38.000	7.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
	VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/63		Châu Âu					đồng	
16	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/64	CVIB2407	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	1,9237:1	17.313 đồng	9.000.000
17	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/65	CVNM2407	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	5,9534:1	67.472 đồng	9.000.000
18	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/66	CVPB2409	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	2:1	22.000 đồng	11.000.000
19	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/67	CVRE2407	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	2:1	16.000 đồng	6.000.000

⬇ Các chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
1	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/3M/01	CHPG2023	Mua/Châu Âu	3 tháng	12/10/2020	12/01/2021	1:1	28.500 đồng	2.000.000
2	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/02	CHPG2102	Mua/Châu Âu	6 tháng	05/01/2021	05/07/2021	0,7352:1	30.144 đồng	4.000.000
3	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/05	CTCB2101	Mua/Châu Âu	9 tháng	05/01/2021	05/10/2021	1:1	31.000 đồng	2.000.000
4	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/4M/05	CHPG2110	Mua/Châu Âu	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	5:1	44.000 đồng	10.000.000
5	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/4M/07	CVNM2108	Mua/Châu Âu	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	9,8301:1	78.641 đồng	5.000.000
6	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/4M/10	CFPT2104	Mua/Châu Âu	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	9,8947:1	79.158 đồng	7.000.000
7	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/04	CMWG2104	Mua/Châu Âu	12 tháng	22/03/2021	22/03/2022	6,6444:1	89.699 đồng	5.000.000
8	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/	CTCB2105	Mua/	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	5:1	45.000	15.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
	EU/Cash/9M/06		Châu Âu					đồng	
9	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/08	CVRE2105	Mua/ Châu Âu	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	5:1	30.000 đồng	10.000.000
10	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/09	CMSN2104	Mua/ Châu Âu	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	8,3261:1	98.248 đồng	5.000.000
11	Chứng quyền VHM/ACBS/Call /EU/Cash/9M/11	CVHM2115	Mua/ Châu Âu	9 tháng	17/11/2021	17/08/2022	9,7163:1	91.333 đồng	15.000.000
12	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/12	CHPG2208	Mua/ Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	3,7823:1	30.258 đồng	10.000.000
13	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/13	CTCB2204	Mua/ Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	5:1	45.000 đồng	5.000.000
14	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/14	CMSN2202	Mua/ Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	8,2758:1	126.620 đồng	5.000.000
15	Chứng quyền MWG/ACBS/Call /EU/Cash/6M/15	CMWG2204	Mua/ Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	4,9711:1	72.080 đồng	5.000.000
16	Chứng quyền VNM/ACBS/Call /EU/Cash/6M/16	CVNM2204	Mua/ Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	9,6717:1	70.603 đồng	5.000.000
17	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/17	CVRE2204	Mua/ Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	5:1	33.000 đồng	5.000.000
18	Chứng quyền VIC/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/18	CVIC2203	Mua/ Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	10:1	86.000 đồng	5.000.000
19	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/19	CHPG2225	Mua/ Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17.000 đồng	18.000.000
20	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/20	CTCB2214	Mua/ Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	27.000 đồng	4.500.000
21	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/21	CMBB2213	Mua/ Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17.000 đồng	9.000.000
22	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/22	CMSN2214	Mua/ Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	10:1	100.000 đồng	3.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
23	Chứng quyền MWG/ACBS/Call /EU/Cash/8M/23	CMWG2213	Mua/ Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54.000 đồng	9.000.000
24	Chứng quyền VNM/ACBS/Call /EU/Cash/8M/24	CVNM2211	Mua/ Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	5,8946:1	66.806 đồng	6.000.000
25	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/25	CVRE2219	Mua/ Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	29.000 đồng	4.500.000
26	Chứng quyền VHM/ACBS/Call /EU/Cash/8M/26	CVHM2218	Mua/ Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54.000 đồng	9.000.000
27	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/27	CFPT2212	Mua/ Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	10:1	70.000 đồng	8.000.000
28	Chứng quyền POW/ACBS/Call/ EU/Cash/8M/28	CPOW2210	Mua/ Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	1:1	13.000 đồng	2.000.000
29	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/29	CHPG2306	Mua/ Châu Âu	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	3:1	20.000 đồng	24.000.000
30	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/30	CFPT2303	Mua/ Châu Âu	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	8,4983:1	73.085 đồng	8.000.000
31	Chứng quyền STB/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/31	CSTB2303	Mua/ Châu Âu	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	2:1	22.000 đồng	10.000.000
32	Chứng quyền MWG/ACBS/Call /EU/Cash/9M/32	CMWG2302	Mua/ Châu Âu	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	5,943:1	49.525 đồng	12.000.000
33	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/42	CFPT2311	Mua/ Châu Âu	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	9,8844:1	88.960 đồng	10.000.000
34	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/43	CHPG2330	Mua/ Châu Âu	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	3:1	31.000 đồng	12.000.000
35	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/44	CMBB2313	Mua/ Châu Âu	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	2:1	21.000 đồng	10.000.000
36	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/45	CTCB2308	Mua/ Châu Âu	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	3:1	37.000 đồng	9.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
37	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/33	CSTB2306	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	2:1	30.000 đồng	19.000.000
38	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/34	CMBB2306	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	1,6965:1	16.965 đồng	20.000.000
39	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/35	CHPG2309	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	24.000 đồng	25.000.000
40	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/36	CMWG2305	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3,962:1	35.658 đồng	9.000.000
41	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/37	CVIB2302	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	1,5718:1	18.076 đồng	15.000.000
42	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/38	CTCB2302	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	27.000 đồng	14.000.000
43	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/39	CVHM2302	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	4:1	50.000 đồng	12.000.000
44	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/40	CMSN2302	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	6:1	66.000 đồng	6.000.000
45	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/41	CVRE2303	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	25.000 đồng	8.000.000
46	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/46	CMWG2316	Mua/ Châu Âu	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	6:1	48.000 đồng	10.000.000
47	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/47	CSTB2334	Mua/ Châu Âu	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	3:1	27.000 đồng	8.000.000
48	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48	CVIB2306	Mua/ Châu Âu	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	1,8879:1	16.047 đồng	7.000.000

(*) Nghĩa vụ thanh toán: Từ năm 2020, ACBS đã thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính là Chứng quyền có bảo đảm và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán khi chứng quyền đáo hạn theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 202 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

3. Tình hình tài chính

**3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn

3.2. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn thực hiện nộp các khoản phải nộp theo luật định.

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm 2024/2023	Lũy kế đến Quý 1/2025
1	Tổng dư nợ vay	5.922.517	16.403.200	176,96%	16.790.140
2	Tổng phải thu	4.586.072	9.604.261	109,42%	9.593.472
3	Tổng phải trả	6.203.877	16.788.955	170,62%	18.093.395

(Nguồn: BCTC hợp nhất – đã kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý 1/2025 của ACBS)

3.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về an toàn tài chính (triệu đồng)			
1.1	- Giá trị vốn khả dụng	5.179.607	8.800.225	
1.2	- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm)	798.400	1.558.550	
1.3	- Tỷ lệ vốn khả dụng (%): (Giá trị vốn khả dụng/Tổng rủi ro)	648,75%	564,64%	
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
2.1	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,86	1,54	
2.2	- Hệ số thanh toán nhanh: ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	1,86	1,54	Không có hàng tồn kho
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)			
3.1	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (TTS)	0,53	0,64	



STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
3.2	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (VCSH)	1,11	1,81	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (lần)			
4.1	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,24	0,27	
4.2	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,07	
4.3	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,03	
4.4	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,29	0,33	
4.5	- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	N/A	N/A	(*)

(Nguồn: ACBS)

(*) : ACBS hoạt động theo mô hình Công ty TNHH, nên không có chỉ tiêu EPS.

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**1. Thông tin chung về chứng quyền****1.1. Thông tin về chứng quyền phát hành**

- Tên chứng quyền: **Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/78.**
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: **VNM.**
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: **Công ty Cổ phần sữa Việt Nam**
- Loại chứng quyền (mua/bán): **Chứng quyền Mua.**
- Kiểu chứng quyền (châu Âu/Mỹ): **Châu Âu.**
- Phương thức thanh toán thực hiện quyền: **Thanh toán tiền (VND).**
- Thời hạn: **12 tháng.**
- Ngày phát hành (dự kiến): **Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán.**
- Ngày đáo hạn: **Ngày tròn 12 tháng kể từ ngày phát hành.**
- Tỷ lệ chuyển đổi: **6:1.**



- Giá thực hiện: Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành.
- Giá chào bán thấp nhất (dự kiến): 1.000 đồng/chứng quyền. Giá chào bán được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành.
- Giá chào bán cao nhất (dự kiến): 3.000 đồng/chứng quyền. Giá chào bán được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành.
- Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán: **14.200.000** chứng quyền.
- Tổng giá trị chứng quyền chào bán (dự kiến): **14.200.000.000** (mười bốn tỷ hai trăm triệu) đồng đến **42.600.000.000** (bốn mươi hai tỷ sáu trăm triệu) đồng.
- Tài sản bảo đảm thanh toán: Bằng tiền (VND), ký quỹ đảm bảo thanh toán tại Ngân hàng lưu ký
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: 50% giá trị chứng quyền chào bán.
- Phương pháp tính giá: theo công thức Black Scholes như sau:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá lý thuyết của chứng quyền mua.

$N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy.

Tham số	Phương pháp tính
X: Giá thực hiện của chứng quyền.	Do ACBS ấn định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng.
S: Giá CKCS hiện tại.	Là giá đóng cửa của CKCS tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm báo cáo.



Tham số	Phương pháp tính
T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm)	Là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365.
r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm).	Bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank cộng biên độ 2% tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm báo cáo
σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm).	Độ biến động giá kỳ vọng = độ biến động giá quá khứ $\times (1 + \text{hệ số điều chỉnh})$ Trong đó: - Độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở được xác định trong thời gian 12 tháng gần nhất. - Hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên nhu cầu thị trường về chứng quyền và chứng khoán cơ sở, tính thanh khoản của chứng quyền và của chứng khoán cơ sở và độ biến động giá kỳ vọng của các chứng quyền tương tự. - Độ biến động phải được cập nhật ít nhất 12 tháng/lần.
k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền	Là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị CKCS.

1.2. Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó:

- Không có.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

2.1. Thông tin về chứng khoán cơ sở

- Tên chứng khoán cơ sở: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.**
 - Thời điểm niêm yết lần đầu của chứng khoán cơ sở (VNM): 19/01/2006
 - Chỉ số giá/thu nhập P/E (theo EPS 4 quý gần nhất và giá thời điểm 29/04/2025): 12,82 lần
 - Mức vốn hóa (tại ngày 29/04/2025): 120.381 tỷ đồng.
 - Dao động bình quân của giá chứng khoán cơ sở (VNM) trong 6 tháng gần nhất: 29,22%
 - Tính thanh khoản, tình hình biến động giá trong năm 2024:
- ✓ Khối lượng giao dịch bình quân trong năm: 3.801.514 cổ phiếu;



- ✓ Giá giao dịch cao nhất trong năm (đã điều chỉnh chia tách): 72.874 đồng/cổ phiếu;
- ✓ Giá giao dịch thấp nhất trong năm (đã điều chỉnh chia tách): 60.888 đồng/cổ phiếu;
- ✓ Giá đóng cửa ngày giao dịch cuối năm (đã điều chỉnh chia tách): 63.400 đồng/cổ phiếu.

2.2. Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:

- Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần sữa Việt Nam.
- Mã chứng khoán cơ sở: VNM.
- Lĩnh vực hoạt động: mua bán, bảo hành, sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện, và phụ kiện điện thoại; các mặt hàng điện máy; các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống và các hàng hóa khác.

- Tình hình hoạt động kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh 2023 – 2024 và lũy kế đến gần nhất (Hợp nhất):

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm 2024/2023	Lũy kế đến Q1/2025
1	Tổng giá trị tài sản	52.673.371	55.049.062	4,51%	55.013.790
2	Vốn chủ sở hữu	35.025.744	36.174.403	3,28%	37.622.489
3	Doanh thu	60.368.916	61.782.610	2,34%	12.934.505
4	Thuế và các khoản phải nộp	967.879	1.014.478	4,81%	418.357
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.903.633	11.593.978	6,33%	1.950.557
6	Lợi nhuận trước thuế	10.967.899	11.599.654	5,76%	1.951.296
7	Lợi nhuận sau thuế	8.873.812	9.392.310	5,84%	1.568.482
8	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	28,84%	29,36%	N/A	4,75%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất Quý 1/2025 của VNM)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất):



STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
1.1	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,10	2,03
1.2	- Hệ số thanh toán nhanh	1,73	1,72
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
2.1	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,34	0,34
2.2	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,50	0,52
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)		
3.1	- Vòng quay hàng tồn kho bình quân	6,11	6,09
3.2	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,19	1,15
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
4.1	- ROS	14,70%	15,20%
4.2	- ROA	17,54%	17,44%
4.3	- ROE	28,84%	29,36%
4.4	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	18,1%	18,8%
4.5	- EPS (đồng)	3.796	4.022

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 của VNM)

3. Thời gian phân phối chứng quyền

ACBS dự kiến phân phối chứng quyền ngay sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm theo quy định.

Thời gian phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có hiệu lực.

Lịch phân phối chứng quyền dự kiến như sau:



STT	Nội dung	Thời gian (Dự kiến)
1	UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm	T (ngày làm việc)
2	Công bố thông tin về đợt phát hành tài liệu công bố thông tin bao gồm: - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. - Thông báo phát hành chứng quyền. - Bản cáo bạch chào bán chứng quyền. (*) ACBS ký quỹ đảm bảo thanh toán tại ngân hàng lưu ký và gửi đến UBCKNN trong vòng 24h, kể từ khi ký kết văn bản ký quỹ trên.	T - Tối đa T + 3 (T1)
3	Phân phối chứng quyền	T1 - Tối đa T + 7
4	Báo cáo và công bố thông tin kết quả phân phối chứng quyền (trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phân phối chứng quyền)	Tối đa T + 10

(*) Ghi chú:

- Thời gian phân phối cụ thể được công bố tại bản Thông báo phát hành.
- Tài sản bảo đảm thanh toán được ACBS ký quỹ tại ngân hàng lưu ký trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết. Tài sản này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của ACBS hay của bất cứ bên thứ ba khác.
- Việc phân phối chứng quyền chỉ được thực hiện sau khi ACBS bảo đảm người mua chứng quyền tiếp cận được Bản cáo bạch và sau khi ACBS gửi UBCKNN văn bản xác nhận về tài sản đảm bảo thanh toán.

4. Đăng ký mua chứng quyền**Thời hạn đăng ký mua**

ACBS sẽ công bố chính thức thời gian nhận đăng ký mua trong Thông báo phát hành chứng quyền sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Theo dự kiến, thời gian nhà đầu tư đăng ký mua là trong vòng tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có hiệu lực.

Cách thức đăng ký



Nhà đầu tư trực tiếp đăng ký mua chứng quyền tại trụ sở chính và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của ACBS sau khi tiếp cận được Bản cáo bạch theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm theo các nội dung tại Thông báo phát hành chứng quyền của ACBS.

Phương thức thanh toán

Khi đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư đồng thời thực hiện nộp tiền mua chứng quyền vào tài khoản phong tỏa của Công ty theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB.**

- Số tài khoản: **8690025919** tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Cách thức xử lý khi chứng quyền chưa được phân phối hết

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền chào bán, tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh của mình và tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch của HOSE sau khi chứng quyền được niêm yết trên HOSE.

Cách thức xử lý khi số lượng chứng quyền đăng ký mua vượt số lượng chứng quyền chào bán

Trong trường hợp tổng số chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua vượt quá số lượng chứng quyền chào bán, số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ được xác định dựa trên nguyên tắc phân bổ theo tỷ lệ đăng ký mua của các nhà đầu tư, cụ thể như sau:

$$\text{Số lượng chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua} = \frac{\text{Số chứng quyền của từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số chứng quyền của các nhà đầu tư đăng ký mua}} \times \text{Tổng số chứng quyền chào bán}$$

Số lượng chứng quyền phân bổ cho từng nhà đầu tư sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm (**100 chứng quyền**), đồng thời tổng số lượng chứng quyền phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng chứng quyền chào bán.

Trường hợp đối với số lượng chứng quyền còn dư phát sinh sau khi làm tròn xuống (nếu có), số chứng quyền này sẽ được phân bổ đều cho các nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất bằng nhau. Nếu sau khi phân bổ đều theo nguyên tắc trên vẫn phát sinh số chứng quyền còn dư, số chứng quyền còn lại này sẽ được phân bổ vào tài khoản tự doanh của ACBS.

5. Thực hiện chứng quyền

5.1. Chứng quyền khi đến ngày đáo hạn, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau (với



giả định ngày T là ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời là ngày đáo hạn và T được tính theo ngày làm việc):

- Ngày T - 7: VSDC lập và gửi cho HOSE, các Thành viên lưu ký Thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
- Ngày T: ACBS gửi thông báo giả thanh toán chứng quyền cho VSDC.
- Ngày T + 1 (9h): VSDC lập và chuyển Danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký cho Thành viên Lưu ký (dưới dạng chứng từ điện tử).
- Ngày T + 1 (11h): Thành viên lưu ký đối chiếu thông tin trong Danh sách do VSDC cung cấp và gửi cho VSDC thông báo xác nhận (dưới dạng chứng từ điện tử).

Trường hợp xác nhận có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký phải gửi thêm cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSDC sẽ cung cấp lại Danh sách đã hiệu chỉnh cho Thành viên lưu ký (dưới dạng chứng từ điện tử).

- Ngày T + 2: VSDC gửi cho ACBS Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền
- Ngày T + 3: ACBS gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSDC. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, ACBS phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.

Trong ngày T + 3, ACBS chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC.

- Ngày T + 4: VSDC phân bổ tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản của Thành viên lưu ký liên quan. Thành viên lưu ký chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền trong ngày thanh toán (ngày T + 5).
- Ngày T + 5: là ngày thanh toán tiền. Tại ngày này, Thành viên lưu ký thực hiện phân bổ tiền thanh toán cho nhà đầu tư.

Lưu ý:

- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền: Là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}]$.
- Giá thanh toán chứng quyền là bình quân giá đóng cửa trong 05 ngày giao dịch cuối cùng của chứng khoán cơ sở trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.
- Số tiền thanh toán ròng: là số tiền thanh toán sau khi đã giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (thuế thu nhập cá nhân và các chi phí khác, nếu có).



- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lỗi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

5.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán:

Trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, thì việc thanh toán cho nhà đầu tư được thực hiện theo quy trình thanh lý tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm. Tài sản dùng để thanh toán cho nhà đầu tư, bao gồm từ các nguồn sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có);

Nếu trường hợp, Tổ chức phát hành vẫn không đủ tài sản để thanh toán cho nhà đầu tư, thì sẽ giải quyết theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, phá sản, giải thể: việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có đảm bảo một phần.
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chi số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chi số; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, thì cách tính giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực được áp dụng theo công thức Black Scholes nêu tại mục 1.1. phần V của Bản cáo bạch này.

7. Điều chỉnh chứng quyền

- Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng



khoản cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới ...

- Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:
 - ✓ Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
 - ✓ Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
 - ✓ Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của HOSE, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh phù hợp theo quy định.

8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

- **Phí giao dịch:** Áp dụng khi nhà đầu tư đặt lệnh mua hoặc bán chứng quyền. Mức phí áp dụng theo quy định tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng quyền.
- **Thuế:** khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền, nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn và thực hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi, mức thuế suất áp dụng là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần.

Lưu ý: trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

Ví dụ về cách tính thuế:

- ✓ **Trường hợp 1:** Áp dụng khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền trước ngày đáo hạn (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần).

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có tài sản cơ sở là HPG với giá 2.000 VND/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 1:1, giá thực hiện là 30.000 VND. Nếu nhà đầu tư bán 100 chứng quyền này tại mức giá 3.000 VND/chứng quyền, số thuế phải nộp là: $3.000 \times 100 \times 0,1\% = 300 \text{ VND}$.



- ✓ **Trường hợp 2:** Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền và chứng quyền này bị hủy niêm yết trước ngày đáo hạn (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần). Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là:

- Giá mua lại theo mức giá thị trường của Tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường x Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc;
- Giá thanh toán chứng quyền do Tổ chức phát hành công bố x Số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

Ví dụ 2: Tương ứng các giả thiết tại ví dụ 1, nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và Tổ chức phát hành công bố giá thanh toán chứng quyền là 3.000 VNĐ/chứng quyền thì số thuế nhà đầu tư phải nộp cho 100 chứng quyền mình sở hữu là: $3.000 \times 100 \times 0,1\% = 300 \text{ VNĐ}$.

- ✓ **Trường hợp 3:** Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn, và thực hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần). Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố.

Ví dụ 3: Tương ứng các giả thiết tại ví dụ 1, nếu giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 30.000 VNĐ/cổ phiếu thì số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là: $30.000 \times 100 \times 0,1\% = 3.000 \text{ VNĐ}$

- ✓ **Trường hợp 4:** trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

Ví dụ 4: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua cổ tài sản cơ sở là MWG với tỷ lệ chuyển đổi là 1 : 1, giá thực hiện là 100.000 VNĐ.

Nếu nhà đầu tư giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 100.100 VNĐ/cổ phiếu. Khi đó, chứng quyền này sẽ đáo hạn trong trạng thái có lãi và nhà đầu tư nhận được khoản tiền thanh toán từ tổ chức phát hành là: $(100.100 - 100.000) \times 100 = 10.000 \text{ VNĐ}$.

Số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là: $100.100 \times 100 \times 0,1\% = 10.010 \text{ VNĐ}$.

Như vậy, trong trường hợp này, số tiền thuế phải nộp của nhà đầu tư cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được là $(10.010 - 10.000) = 10 \text{ VNĐ}$.

- **Phí thực hiện quyền:** nhà đầu tư phải trả phí cho VSDC theo quy định.



- **Phi lưu ký, chuyển khoản:** Áp dụng theo quy định của VSDC.

9. Hoạt động tạo lập thị trường

ACBS phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng năm (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- ✓ *Chỉ có lệnh bên mua hoặc lệnh bên bán chứng quyền.*
- ✓ *Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền.*
- ✓ *Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của giá (giá chào bán thấp nhất – giá chào mua cao nhất)/ giá chào mua cao nhất.*

Khi tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường ACBS phải tuân thủ:

- ✓ *Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền.*
- ✓ *Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn.*
- ✓ *Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch 5%*
- ✓ *Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, ACBS phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán)*
- ✓ *Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.*

Trong các trường hợp sau, ACBS không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- ✓ *Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa (ATO), năm (05) phút đầu sau khi kết thúc ATO và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa (ATC).*
- ✓ *Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch.*
- ✓ *Giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của ACBS nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng.*
- ✓ *Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu (100 chứng quyền) ACBS được miễn đặt lệnh bán.*
- ✓ *Chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp ACBS chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), ACBS được miễn đặt lệnh mua.*
- ✓ *Trường hợp thực hiện huỷ niêm yết chứng quyền, ACBS được miễn đặt lệnh bán.*
- ✓ *Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), ACBS được miễn đặt lệnh bán hoặc giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), ACBS được miễn đặt lệnh mua.*
- ✓ *Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), ACBS được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền bán.*



- ✓ Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), ACBS được miễn đặt lệnh mua đổi với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh bán đổi với chứng quyền bán.
- ✓ Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức là chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% giá thực hiện hoặc chứng quyền bán đang có giá chứng khoán cơ sở thấp hơn 30% so với giá thực hiện), ACBS được miễn đặt lệnh bán.
- ✓ Trong 14 ngày trước khi chứng quyền đáo hạn.
- ✓ Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, ...
- ✓ Các trường hợp khác được SGDCK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.
- ✓ SGDCK sẽ thực hiện giám sát việc yết giá tạo lập thị trường của ACBS và yêu cầu ACBS giải trình nếu cần.

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

1.1. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro, bao gồm vai trò của các Phòng ban liên quan

✚ Hội đồng thành viên ACBS

- Phê chuẩn các hoạt động phát hành chứng quyền của ACBS trong hạn mức được quy định tại ACBS.
- Phê chuẩn nguồn vốn phân bổ cho toàn bộ hoạt động phát hành chứng quyền theo quy định của UBCK và pháp luật.
- Phê chuẩn các kịch bản cho hoạt động phòng ngừa rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền, bao gồm và không giới hạn trong việc quyết định các hạn mức quy mô, hạn mức tổn thất tối đa, lợi nhuận kỳ vọng, vị thế phòng ngừa rủi ro; phù hợp với hạn mức đầu tư và khẩu vị rủi ro trong hoạt động đầu tư đã được phê duyệt bởi Hội đồng thành viên ACBS (nếu có).
- Phê duyệt và ban hành Quy trình quản trị rủi ro và các Quy trình nội bộ có liên quan.

✚ Tổng Giám đốc ACBS

- Chịu trách nhiệm về việc triển khai các phê chuẩn của Hội đồng thành viên ACBS.
- Thực hiện theo phân quyền hạn mức phân quyết của Hội đồng thành viên ACBS.
- Đảm bảo Quy trình được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng.

**➤ Phòng Quản lý rủi ro:**

- Đề xuất các hạn mức quy mô và hạn mức ngăn lỗ cho các hoạt động phòng ngừa rủi ro theo quy định nội bộ và quy định pháp luật.
- Theo dõi và cảnh báo các rủi ro về giới hạn hoạt động phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền, các rủi ro về thị trường, các biến động khác làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, quyền lợi của ACBS.
- Đưa ra các đề xuất hoặc cảnh báo khi hoạt động phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền chạm các hạn mức hoặc giới hạn nội bộ và quy định pháp luật.

➤ Phòng Thị trường Phái sinh

Theo dõi, tuân thủ và cảnh báo các rủi ro về giới hạn hoạt động phòng ngừa rủi ro cho việc phát hành chứng quyền, rủi ro về thị trường, các biến động khác làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, quyền lợi ACBS. Đồng thời, báo cáo ngay các nội dung này cho Cấp có thẩm quyền để xem xét và có hướng xử lý.

➤ Phòng Pháp chế:

Kiểm tra tính tuân thủ pháp luật của các nội dung trong Quy trình quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền của ACBS.

➤ Phòng Kiểm soát nội bộ:

Giám sát thực hiện các quy định và quy trình về quản trị rủi ro, nhằm đảm bảo các hoạt động này được thực hiện một cách cẩn trọng, đúng trình tự, đồng thời tuân thủ các quy định nội bộ và pháp luật hiện hành.

1.2. Quy trình quản trị rủi ro

ACBS thực hiện quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng quyền theo các bước, trình tự như sau:

➤ Bước 1: Nhận diện các rủi ro có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh chứng quyền

Trong hoạt động phát hành chứng quyền ACBS có thể gặp phải các rủi ro chính như sau:

- Rủi ro thanh toán:** Rủi ro phát sinh khi ACBS không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư. Ví dụ: ACBS bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền do không có đủ cổ phiếu hoặc tiền.
- Rủi ro thị trường:**
 - Rủi ro phát sinh do các biến động kinh tế vĩ mô và vĩ mô tác động tiêu cực đến một hoặc một số ngành nghề, đối tượng doanh nghiệp nhất định, từ đó gây nên tâm lý



hoảng loạn và hoạt động bán tháo chứng quyền hoặc tài sản cơ sở.

- Rủi ro phát sinh do các biến động xuất phát từ các yếu tố chính trị - xã hội trong và ngoài nước dẫn đến hoạt động bán tháo chứng quyền hoặc tài sản cơ sở trên diện rộng;
- Rủi ro phát sinh do các hoạt động thao túng giá và thanh khoản trên thị trường mà ACBS chưa thể hoặc không thể nhận diện được.

c. Rủi ro pháp lý:

- Rủi ro phát sinh do chính sách kinh doanh của ACBS không tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành;
- Rủi ro phát sinh do các phòng ban, nghiệp vụ, nhân viên ACBS thực hiện công việc không tuân thủ với quy định của pháp luật hiện hành.
- Rủi ro phát sinh do các quy định pháp lý liên quan thay đổi mang tính bất lợi hoặc ACBS khó xử lý nhanh dẫn đến chưa đáp ứng hoàn toàn các thay đổi theo quy định của pháp luật.
- Rủi ro phát sinh do các điều khoản trong hợp đồng kinh tế chưa rõ ràng dẫn đến khách hàng khiếu kiện hoặc ACBS không thể khiếu kiện khách hàng hoặc khả năng thắng kiện thấp.
- Rủi ro pháp lý phát sinh dẫn đến ACBS bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ kinh doanh chứng quyền.

d. Rủi ro hoạt động:

- Rủi ro phát sinh do ACBS chưa hoàn thiện/cập nhật quy trình vận hành hiện tại.
- Rủi ro phát sinh do con người hoặc do hệ thống giao dịch dẫn tới khách hàng có thể thực hiện các giao dịch không đúng quy định tại ACBS.
- Rủi ro phát sinh do con người hoặc do hệ thống giao dịch dẫn tới tính toán tỷ lệ/giá trị hedging bị lỗi/bị sai dẫn đến mua bán chứng khoán cơ sở/chứng quyền nhiều hơn trạng thái trung hòa rủi ro.
- Rủi ro phát sinh do nhân viên vô tình hoặc cố tình không tuân thủ các quy trình hướng dẫn tại các bộ phận nghiệp vụ.
- Rủi ro phát sinh do các yếu tố khách quan bên ngoài như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, ...

- e. Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro phát sinh khi ACBS không thể thực hiện được hoặc thực hiện với phí cao hơn cho giao dịch mua/bán để đạt được trạng thái trung hòa rủi ro do cổ phiếu



không có hoặc có thanh khoản thấp.

➤ **Bước 2: Phân tích rủi ro**

- a. **Rủi ro thanh toán:** Với quy mô của ACBS cũng như lịch sử về việc quản trị nguồn tiền và tài sản thì mức độ xảy ra rủi ro này tại ACBS là thấp, bên cạnh đó ACBS cũng thực hiện hoạt động hedging theo quy định để đảm bảo cổ phiếu thanh toán cho khách hàng khi đến ngày thực hiện quyền.
- b. **Rủi ro thị trường:** Đây là rủi ro lớn nhất và có khả năng xảy ra cao nhất đồng thời là rủi ro khó phòng ngừa nhất trong hoạt động kinh doanh và phát hành chứng quyền có đảm bảo; khi rủi ro phát sinh cũng gây thiệt hại lớn trong hoạt động kinh doanh của ACBS.
- c. **Rủi ro pháp lý:** Có thể xảy ra nếu ACBS vô tình không thực hiện đúng một hoạt động nào đó do thiếu ý kiến tư vấn từ bộ phận Luật, hoặc do chưa kịp cập nhật các thay đổi trong quy định chính sách.
- d. **Rủi ro hoạt động:** Rủi ro xảy ra các lỗi liên quan đến hệ thống phần mềm là có thể xảy ra, bên cạnh đó là các rủi ro liên quan đến nhân viên làm sai quy trình cũng có thể xảy ra.
- e. **Rủi ro thanh khoản:** Trong điều kiện thị trường bình thường với các cổ phiếu lớn thì rủi ro này thấp. Tuy nhiên vẫn có thể xảy ra rủi ro thanh khoản do có các thông tin tốt/xấu đột biến của doanh nghiệp, hoặc các thông tin có tác động tiêu cực tới toàn thị trường.

➤ **Bước 3: Kiểm soát rủi ro**

Dựa trên việc đánh giá các rủi ro trọng yếu có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh chứng quyền tại ACBS, công ty xây dựng biện pháp kiểm soát rủi ro cụ thể cho từng loại rủi ro như sau :

a. **Rủi ro thanh toán:**

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro:
 - ✓ Duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hòa theo một tỷ lệ nhất định nhưng không thấp hơn yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán;
 - ✓ Bên cạnh đó ACBS luôn có các tài sản dự phòng để đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn.
- Cách thực hiện:
 - ✓ Thực hiện giao dịch mua/bán hàng ngày tài sản cơ sở hoặc chứng quyền để đảm bảo tỷ lệ hedging theo mức trung hòa rủi ro;
 - ✓ Đánh giá rủi ro thanh khoản chung của ACBS bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán dự kiến nếu có từ các chứng quyền đáo hạn.

- Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, phần mềm excel, hệ thống BI, các báo cáo giám sát.

b. Rủi ro thanh khoản

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: đảm bảo chi phí giao dịch phòng ngừa rủi ro ở mức thấp nhất.
- Cách thực hiện: Luôn giao dịch để đảm bảo một tỷ lệ trung hòa rủi ro theo quy định, chi phát hành chứng quyền với các cổ phiếu lớn và có thanh khoản ổn định. Bên cạnh đó là quy định khối lượng cổ phiếu hoặc tài sản cơ sở tối đa bắt buộc phải thực hiện giao dịch mua/bán để hạn chế rủi ro thanh khoản.
- Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, các báo cáo giám sát.

c. Rủi ro hoạt động

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: giảm thiểu tối đa xảy ra các sự kiện rủi ro hoạt động.
- Cách thực hiện:
 - ✓ Các bộ phận kinh doanh xây dựng đầy đủ các quy trình hoạt động liên quan đến kinh doanh chứng quyền có đảm bảo.
 - ✓ Thực hiện đào tạo đầy đủ cho các nhân sự liên quan về sản phẩm, quy trình để đảm bảo các quy trình được thực hiện đúng và đủ.
 - ✓ Tiến hành đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro cho toàn bộ nhân sự nhằm hạn chế các gian lận có thể xảy ra.
 - ✓ Kiểm thử đầy đủ các hệ thống phần mềm giao dịch và hỗ trợ trước khi đưa vào sử dụng. Bên cạnh đó là luôn ghi nhận các phản hồi của khách hàng hoặc nhân viên ACBS để có điều chỉnh nếu cần.
 - ✓ Có sự hỗ trợ, kiểm tra giám sát từ bộ phận quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.
- Công cụ thực hiện:
 - ✓ Các quy trình làm việc.
 - ✓ Các tài liệu hướng dẫn và đào tạo.

d. Rủi ro pháp lý

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.
- Cách thực hiện:
 - ✓ Bộ phận luật thực hiện rà soát các quy trình, hoặc các chính sách sản phẩm trước



khí được ban hành và đưa vào sử dụng.

- ✓ *Bộ phận luật cập nhật thường xuyên các thay đổi trong văn bản pháp luật để có thể hiệu chỉnh kịp thời các hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nếu cần.*
- ✓ *Đào tạo nâng cao nhận thức cho nhân viên của ACBS về các rủi ro pháp lý nếu làm sai quy định.*

- Công cụ thực hiện: Các văn bản pháp luật, các chính sách, quy trình của ACBS.

✦ Bước 4: Giám sát rủi ro

- Hoạt động quản trị rủi ro được giám sát hàng ngày hoặc định kỳ thông qua các báo cáo giám sát cụ thể theo quy định của UBCKNN, HOSE và của ABCS. Giám sát rủi ro cho hoạt động hedging được thực hiện theo quy trình của hoạt động hedging.
- Định kỳ thực hiện phân tích, đánh giá các rủi ro đã xảy ra để xác định các khu vực tiềm ẩn nhiều rủi ro và có biện pháp xử lý, hạn chế rủi ro thích hợp.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Để đảm bảo khả năng thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do rủi ro gây ra đối với ACBS và người sở hữu chứng quyền.

2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro

Ban điều hành có trách nhiệm:

- Chỉ đạo xây dựng chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro chứng quyền.
- Phân công trách nhiệm và giám sát việc thực hiện quy trình quản trị rủi ro đã được cấp có thẩm quyền ban hành.
- Theo dõi kết quả thực hiện và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro.

Bộ phận Kiểm soát nội bộ (thuộc Phòng Kiểm soát nội bộ) có trách nhiệm:

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng Thành viên và các văn bản liên quan.
- Kiểm tra và giám sát hoạt động phát hành và phòng ngừa rủi ro theo đúng định, quy trình và chính sách của công ty.
- Giám sát và đánh giá các xung đột lợi ích nếu có.

Bộ phận Quản lý Rủi ro (thuộc Phòng Quản lý Rủi ro) có trách nhiệm:

- Theo dõi, giám sát hoạt động phòng ngừa rủi ro của bộ phận trực tiếp tham gia phòng

ngừa rủi ro chứng quyền.

- Cảnh báo Ban điều hành về các hạn mức của ACBS, của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước liên quan đến phát hành và phòng ngừa rủi ro chứng quyền.
- Tham mưu cho Ban điều hành các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý rủi ro.
- Đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của ACBS và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.

Phòng Thị trường Phái sinh có trách nhiệm:

- Trực tiếp tham gia vào quy trình phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.
- Thực hiện các hoạt động mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, thực hiện báo cáo về chênh lệch vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và lý thuyết hàng ngày theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp với Phòng Quản lý Rủi ro để quản trị và kiểm soát rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

Thông tin về các nhân sự tại bộ phận trực tiếp thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro chứng quyền

Ông Huỳnh Minh Tuấn – Giám đốc Bộ phận Kinh doanh và Tạo lập thị trường.

Trình độ chuyên môn: Chứng chỉ phân tích tài chính bậc 3 (CFA Level 3), Chứng chỉ hành nghề phân tích của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Kinh nghiệm: Có 8 năm làm việc trong lĩnh vực phân tích và đầu tư chứng khoán.

2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

ACBS áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, ACBS sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của ACBS không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

a. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.

b. Vị thế phòng ngừa rủi ro

Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro

- Hệ số phòng ngừa rủi ro được ACBS áp dụng là hệ số Delta.
- Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.
- Delta được tính toán dựa trên công thức Black Scholes như sau:



$$\Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

- Δ_{CALL} : Giá trị delta của chứng quyền mua;
- $N(d_1)$: xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes như sau:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

Các tham số đầu vào trong công thức trên được xác định như sau:

Tham số	Phương pháp tính
X: Giá thực hiện của chứng quyền.	Do ACBS ấn định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng.
S: Giá chứng khoán cơ sở hiện tại.	Là giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm báo cáo.
T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm)	Là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365.
r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm).	Bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank cộng biên độ 2% tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm báo cáo.
σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm).	Độ biến động giá kỳ vọng = độ biến động giá quá khứ x (1 + hệ số điều chỉnh) Trong đó: - Độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở được xác định trong thời gian 12 tháng gần nhất. - Hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên nhu cầu thị trường về chứng quyền và chứng khoán cơ sở, tình thanh khoản của chứng quyền và của chứng khoán cơ sở và độ biến động giá kỳ vọng của các chứng quyền tương tự. - Độ biến động phải được cập nhật ít nhất 12 tháng/lần.
k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền	Là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết

- ACBS xác định vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết dựa trên công thức Black Scholes như sau:

$$P = \text{Delta} \times \text{OI} / k$$

Trong đó:

- P: Số lượng chứng khoán cơ sở do ACBS dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.
- OI: Số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành.
- k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền.
- Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức $\text{DeltaCALL} = N(d1)$.

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế

- ACBS sử dụng chứng khoán cơ sở, và số tiền đã nộp trên tài khoản tự doanh để phòng ngừa rủi ro.
- Vị thế phòng ngừa thực tế (P_{TT}) của ACBS được xác định như sau:

$$P_{TT} = P_{CKCS} + P_{QD}$$

Trong đó:

- P_{CKCS} : Số lượng chứng khoán cơ sở do ACBS thực tế nắm giữ để phòng ngừa rủi ro chứng quyền.
- P_{QD} : Số lượng chứng khoán cơ sở được quy đổi từ số tiền có trong tài khoản tự doanh của ACBS. Công thức tính như sau: lấy số tiền ACBS đã nộp vào tài khoản tự doanh chia cho giá đóng cửa chứng khoán cơ sở tại ngày tính toán.
- Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền được xác định như sau:

$$\Delta P_{TT} \% = (P - P_{TT}) / P \times 100 \%$$

Trong đó:

- $\Delta P_{TT} \%$: Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T.
- P: Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền.
- P_{TT} : Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.
- ACBS thực hiện phòng ngừa rủi ro để đảm bảo độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế tại cuối ngày giao dịch không vượt



quá 20%.

c. Phương án phòng ngừa rủi ro

- ACBS áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, ACBS sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của ACBS không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

d. Ví dụ minh họa

- Giả sử ACBS phát hành chứng quyền có bảo đảm với các thông số đầu vào mô tả như bên dưới:
 - Tài sản cơ sở: ABC (mã chứng khoán cơ sở giả định).
 - Ngày phát hành: 15/10/2020.
 - Ngày niêm yết: 22/10/2020.
 - Ngày đáo hạn: 15/01/2021.
 - Hệ số chuyển đổi: 1:1.
 - Lãi suất: 7%.
 - Độ biến động giá kỳ vọng: 36%.
 - Giá thực hiện: 24.000.
- ACBS thực hiện mua vào, bán ra cổ phiếu ABC khi giá cổ phiếu ABC thay đổi như sau:

Ngày	Giá cổ phiếu ABC	Delta	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết	Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế	Thay đổi của số lượng cổ phiếu ABC
21/10/2020	24.000	0.57	1.000.000	570.000	700.000	0
22/10/2020	25.000	0.66	900.000	594.000	700.000	0
23/10/2020	23.500	0.53	900.000	477.000	700.000	0
26/10/2020	24.500	0.62	950.000	589.000	700.000	0
27/10/2020	26.000	0.74	1.000.000	740.000	900.000	+ 200.000
28/10/2020	25.000	0.66	1.000.000	660.000	800.000	-100.000

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền:

ACBS đã phát hành chứng quyền với các thông số như sau:



✚ Các chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành và niêm yết trên HOSE

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
1	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/49	CHPG2402	Mua/Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	2,7268:1	28.177 đồng	10.500.000
2	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/50	CMBB2402	Mua/Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,7003:1	20.403 đồng	11.000.000
3	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/51	CMWG2401	Mua/Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	3,9685:1	65.479 đồng	10.000.000
4	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/52	CSTB2402	Mua/Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	3:1	30.000 đồng	10.500.000
5	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/53	CVIB2402	Mua/Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,6444:1	19.732 đồng	10.000.000
6	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/54	CVNM2401	Mua/Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	7,6765:1	63.331 đồng	8.000.000
7	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/55	CVPB2401	Mua/Châu Âu	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,8990:1	19.939 đồng	9.000.000
8	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/56	CFPT2404	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	14,8960:1	120.161 đồng	12.000.000
9	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/57	CHPG2409	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	3:1	25.000 đồng	20.000.000
10	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/58	CMBB2407	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	1,7377:1	22.590 đồng	15.000.000
11	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/59	CMSN2406	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	6:1	79.000 đồng	6.000.000
12	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/60	CMWG2407	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	6:1	70.000 đồng	18.000.000
13	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/61	CSTB2410	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	3:1	38.000 đồng	11.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
14	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/62	CTCB2403	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	5:1	26.000 đồng	12.000.000
15	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/63	CVHM2408	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	4:1	38.000 đồng	7.000.000
16	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/64	CVIB2407	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	1,9237:1	17.313 đồng	9.000.000
17	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/65	CVNM2407	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	5,9534:1	67.472 đồng	9.000.000
18	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/66	CVPB2409	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	2:1	22.000 đồng	11.000.000
19	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/67	CVRE2407	Mua/Châu Âu	12 tháng	04/11/2024	04/11/2025	2:1	16.000 đồng	6.000.000

⚡ Các chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
1	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/3M/01	CHPG2023	Mua/Châu Âu	3 tháng	12/10/2020	12/01/2021	1:1	28.500 đồng	2.000.000
2	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/02	CHPG2102	Mua/Châu Âu	6 tháng	05/01/2021	05/07/2021	0,7352:1	30.144 đồng	4.000.000
3	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/05	CTCB2101	Mua/Châu Âu	9 tháng	05/01/2021	05/10/2021	1:1	31.000 đồng	2.000.000
4	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/4M/05	CHPG2110	Mua/Châu Âu	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	5:1	44.000 đồng	10.000.000
5	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/4M/07	CVNM2108	Mua/Châu Âu	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	9,8301:1	78.641 đồng	5.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
6	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/4M/10	CFPT2104	Mua/Châu Âu	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	9,8947:1	79.158 đồng	7.000.000
7	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/04	CMWG2104	Mua/Châu Âu	12 tháng	22/03/2021	22/03/2022	6,6444:1	89.699 đồng	5.000.000
8	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/06	CTCB2105	Mua/Châu Âu	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	5:1	45.000 đồng	15.000.000
9	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/9M/08	CVRE2105	Mua/Châu Âu	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	5:1	30.000 đồng	10.000.000
10	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/9M/09	CMSN2104	Mua/Châu Âu	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	8,3261:1	98.248 đồng	5.000.000
11	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/9M/11	CVHM2115	Mua/Châu Âu	9 tháng	17/11/2021	17/08/2022	9,7163:1	91.333 đồng	15.000.000
12	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/12	CHPG2208	Mua/Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	3,7823:1	30.258 đồng	10.000.000
13	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/6M/13	CTCB2204	Mua/Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	5:1	45.000 đồng	5.000.000
14	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/6M/14	CMSN2202	Mua/Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	8,2758:1	126.620 đồng	5.000.000
15	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/15	CMWG2204	Mua/Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	4,9711:1	72.080 đồng	5.000.000
16	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/6M/16	CVNM2204	Mua/Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	9,6717:1	70.603 đồng	5.000.000
17	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/6M/17	CVRE2204	Mua/Châu Âu	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	5:1	33.000 đồng	5.000.000
18	Chứng quyền	CVIC2203	Mua/	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	10:1	86.000	5.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
	VIC/ACBS/Call/EU/Cash/6M/18		Châu Âu					đồng	
19	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/19	CHPG2225	Mua/Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17.000 đồng	18.000.000
20	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/20	CTCB2214	Mua/Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	27.000 đồng	4.500.000
21	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/21	CMBB2213	Mua/Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17.000 đồng	9.000.000
22	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/8M/22	CMSN2214	Mua/Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	10:1	100.000 đồng	3.000.000
23	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/23	CMWG2213	Mua/Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54.000 đồng	9.000.000
24	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/24	CVNM2211	Mua/Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	5,8946:1	66.806 đồng	6.000.000
25	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/8M/25	CVRE2219	Mua/Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	29.000 đồng	4.500.000
26	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/26	CVHM2218	Mua/Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54.000 đồng	9.000.000
27	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/8M/27	CFPT2212	Mua/Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	10:1	70.000 đồng	8.000.000
28	Chứng quyền POW/ACBS/Call/EU/Cash/8M/28	CPOW2210	Mua/Châu Âu	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	1:1	13.000 đồng	2.000.000
29	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/29	CHPG2306	Mua/Châu Âu	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	3:1	20.000 đồng	24.000.000
30	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/	CFPT2303	Mua/Châu Âu	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	8,4983:1	73.085 đồng	8.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
	EU/Cash/9M/30								
31	Chứng quyền STB/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/31	CSTB2303	Mua/ Châu Âu	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	2:1	22.000 đồng	10.000.000
32	Chứng quyền MWG/ACBS/Call /EU/Cash/9M/32	CMWG2302	Mua/ Châu Âu	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	5,943:1	49.525 đồng	12.000.000
33	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/42	CFPT2311	Mua/ Châu Âu	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	9,8844:1	88.960 đồng	10.000.000
34	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/43	CHPG2330	Mua/ Châu Âu	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	3:1	31.000 đồng	12.000.000
35	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/44	CMBB2313	Mua/ Châu Âu	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	2:1	21.000 đồng	10.000.000
36	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/45	CTCB2308	Mua/ Châu Âu	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	3:1	37.000 đồng	9.000.000
37	Chứng quyền STB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/33	CSTB2306	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	2:1	30.000 đồng	19.000.000
38	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/34	CMBB2306	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	1,6965:1	16.965 đồng	20.000.000
39	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/35	CHPG2309	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	24.000 đồng	25.000.000
40	Chứng quyền MWG/ACBS/Call /EU/Cash/12M/36	CMWG2305	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3,962:1	35.658 đồng	9.000.000
41	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/37	CVIB2302	Mua/ Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	1,5718:1	18.076 đồng	15.000.000
42	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/	CTCB2302	Mua/	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	27.000	14.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại/Kiểu chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
	EU/Cash/12M/38		Châu Âu					đồng	
43	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/39	CVHM2302	Mua/Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	4:1	50.000 đồng	12.000.000
44	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/40	CMSN2302	Mua/Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	6:1	66.000 đồng	6.000.000
45	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/41	CVRE2303	Mua/Châu Âu	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	25.000 đồng	8.000.000
46	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/46	CMWG2316	Mua/Châu Âu	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	6:1	48.000 đồng	10.000.000
47	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/47	CSTB2334	Mua/Châu Âu	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	3:1	27.000 đồng	8.000.000
48	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48	CVIB2306	Mua/Châu Âu	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	1,8879:1	16.047 đồng	7.000.000

(Phần còn lại của trang được cô ý bỏ trống)



VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

- Tên Công ty: Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
- Địa chỉ: Số 115, đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 3821 9266.
- Website: <https://home.kpmg/vn/vi>.

2. Ngân hàng lưu ký

- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM.
- Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714
- Website: www.bidv.com.vn

3. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành, tổ chức tư vấn

Không có

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch và công ty con của chúng tôi tham gia vào các hoạt động đầu tư, môi giới, quản lý quỹ và các hoạt động khác có thể có các thông tin quan trọng về Công ty, chứng khoán cơ sở hoặc phát hành, cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty, chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin, các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan hoặc ảnh hưởng đến Công ty, chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu, tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của khách hàng chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến các chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

**X. CAM KẾT**

Tính đến thời điểm nộp hồ sơ và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chào bán chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở của Tổ chức phát hành, ACBS không phải là người có liên quan với Ngân hàng lưu ký và Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này.

XI. GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN

STT	VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN
1.	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
2.	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
3.	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
4.	Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
5.	Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động công ty chứng khoán
6.	Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm
7.	Quyết định số 72/QĐ-UBCK ngày 18/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm
8.	Quyết định số 34/QĐ-SGDHCM ngày 20/01/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
9.	Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 10/08/2023 ban hành quy chế hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch và thực hiện chứng quyền có bảo đảm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
10.	Các văn bản pháp luật khác có liên quan



XII. PHỤ LỤC

- Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập.
- Quyết định của Hội đồng thành viên liên quan đến việc phát hành chứng quyền.
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động.
- Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2024.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOẢN ACB

ACBS



Nguyễn Đức Hoàn

NGÂN HÀNG LƯU KÝ
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

2000 1000 1000 1000



2000 1000 1000 1000

